

Phụ lục I
KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC
TỔ CHUYÊN MÔN: TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI

MÔN HỌC: NGỮ VĂN, LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ VÀ GDCD

NĂM HỌC 2024 – 2025

MỤC LỤC:

| | |
|-------------------------------|----|
| A. MÔN NGỮ VĂN..... | 2 |
| I. NGỮ VĂN 6..... | 2 |
| 1. Đặc điểm tình hình..... | 2 |
| 2. Thiết bị dạy học:..... | 2 |
| 3. Kế hoạch dạy học..... | 5 |
| II. MÔN NGỮ VĂN 7..... | 11 |
| 1. Đặc điểm tình hình..... | 11 |
| 2. Thiết bị dạy học..... | 11 |
| 3. Kế hoạch dạy học..... | 11 |
| III. MÔN NGỮ VĂN 8..... | 18 |
| 1. Đặc điểm tình hình..... | 18 |
| 2. Thiết bị dạy học:..... | 18 |
| 3. Kế hoạch dạy học..... | 19 |
| IV. MÔN NGỮ VĂN 9..... | 23 |
| 1. Đặc điểm tình hình:..... | 23 |
| 2. Thiết bị dạy học:..... | 24 |
| 3. Kế hoạch dạy học..... | 24 |
| B. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN..... | 31 |
| I. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6..... | 31 |
| 1. Đặc điểm tình hình..... | 31 |
| 2. Thiết bị dạy học..... | 31 |
| 3. Kế hoạch dạy học..... | 32 |
| II. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7..... | 43 |
| 1. Đặc điểm tình hình..... | 43 |
| 2. Thiết bị dạy học:..... | 43 |
| 3. Kế Hoạch dạy học :..... | 44 |
| III. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8..... | 48 |

| | |
|---|-----------|
| 1. Đặc điểm tình hình | 48 |
| 2. Thiết bị dạy học:..... | 48 |
| 3. Kế hoạch dạy học | 48 |
| IV. GIÁO DỤC ĐÔNG DÂN 9 | 59 |
| 1. Đặc điểm tình hình | 59 |
| 2. Thiết bị dạy học:..... | 59 |
| 3. Kế hoạch dạy học | 60 |
| C. MÔN LỊCH SỬ&ĐỊA LÍ..... | 65 |
| I. LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 6..... | 65 |
| 1. Đặc điểm tình hình | 65 |
| 2. Thiết bị dạy học:..... | 65 |
| 3. Kế hoạch dạy học:..... | 68 |
| II. LỊCH SỬ&ĐỊA LÍ 7 | 77 |
| 1.Đặc điểm tình hình | 77 |
| 2.Thiết bị dạy học | 77 |
| 3. Kế hoạch dạy học | 80 |
| III. LỊCH SỬ& ĐỊA LÍ 8 | 88 |
| 1. Đặc điểm tình hình. | 88 |
| 2. Thiết bị dạy học..... | 88 |
| 3. Kế hoạch dạy học..... | 90 |
| IV. LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 9..... | 97 |
| 1.Đặc điểm tình hình | 97 |
| 2.Thiết bị dạy học | 97 |
| 3. Kế hoạch dạy học | 101 |

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN
(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)
TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỔ: KHOA HỌC XÃ HỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI
MÔN HỌC: NGŨ VĂN; LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ VÀ GDCD
NĂM HỌC 2024 – 2025

A. MÔN NGŨ VĂN

I. NGŨ VĂN 6

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 3 ; Số học sinh:129 ;

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 02; Trình độ đào tạo: Đại học: 02;

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ¹: Tốt:02;

2. Thiết bị dạy học:

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|-----|---|----------|------------------------------|---------|
| 1 | SGK, tài liệu tham khảo một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học, | 1 | Tất cả các bài dạy | |
| 2 | Máy tính, màn hình plasma | 1 | Tất cả các bài dạy | |
| 3 | Tranh ảnh, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập. | | Tất cả các bài dạy | |

3. Kế hoạch dạy học

3.1 Phân phối chương trình: 35 tuần (140 tiết)

¹ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

| STT | BÀI HỌC | SỐ TIẾT | YÊU CẦU CẦN ĐẠT | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------|---------|--|---------|
| 1 | Bài 1. Tôi và các bạn | 15 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật) và người kể chuyện ngôi thứ nhất. - Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản. - Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, biết viết văn bản bảo đảm các bước. - Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân. - Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; - Trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt. | |
| 2 | Bài 2. Gõ cửa trái tim | 11 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. - Nhận biết được ẩn dụ và hiểu được tác dụng của việc sử dụng ẩn dụ. - Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống. - Nhân ái, yêu gia đình, yêu vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống. | |
| 3 | Bài 3. Yêu thương và chia sẻ | 13 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ ba, nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra. - Nhận biết được cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và hiểu được tác dụng của việc dùng các kiểu cụm từ này để mở rộng thành phần chính của câu. - Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. - Biết nói về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân. - Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã học tuần 1- tuần 8 - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. | |
| 4 | Ôn tập, KT GK1, trả bài | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã học từ tuần 1 đến tuần 8. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. - Phát triển năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản. - Biết đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài viết. Biết tự sửa bài mình và giúp bạn sửa bài. - Chăm chỉ trong quá trình học tập; trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong kiểm tra. | |
| 5 | Bài 4. Quê | 12 | Tìm đọc một số truyện về đề tài tình bạn hay lòng nhân ái, khoan dung. Khi đọc, em cần chú ý người | |

| | | | | |
|---|---|----|--|--|
| | huong yêu dấu | | <p>kể chuyện, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm đọc một số bài thơ viết về tình cảm gia đình; cách sử dụng thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. - Trao đổi về những điều em thấy thú vị trong những tác phẩm truyện thơ đã đọc. - Chăm chỉ, say mê, trong việc tự tìm sách và đọc sách. - Có ý thức đọc sách, yêu quý sách, trân trọng sách. | |
| 6 | Bài 5. Những nẻo đường xứ sở. | 13 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí. - Hiểu được công dụng của dấu ngoặc kép (đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt). - Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt. - Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến. - Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở. - Tìm đọc một số bài thơ lục bát và bài du ký về quê hương đất nước. - Trao đổi với các bạn về: số tiếng, số dòng...và những nét độc đáo trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ của các bài thơ lục bát, hình thức ghi chép, cách kể sự việc của các bài du ký. - Đọc diễn cảm một bài thơ lục bát hoặc một đoạn văn trong một bài du ký. - Chăm chỉ, say mê, trong việc tự tìm sách và đọc sách. - Có ý thức đọc sách, yêu quý sách, trân trọng sách. | |
| 7 | Ôn tập, KT CKI, trả bài | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Cùng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã học ở học kì II từ tuần 19 đến tuần 25 - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. - Phát triển năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản. - Biết đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài viết. Biết tự sửa bài mình và giúp bạn sửa bài. - Chăm chỉ trong quá trình học tập; trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong kiểm tra. | |
| 8 | Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng | 12 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, yếu tố kì ảo, chủ đề văn bản). - Nhận biết được văn bản thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai văn bản theo trật tự thời gian. - Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong chuỗi liệt kê phức tạp). - Bước đầu biết viết một văn bản thông tin thuật lại một sự kiện. - Kể được một truyền thuyết. - Nhân ái, yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị của cộng đồng. | |
| 9 | Bài 7. Thế giới cổ tích | 14 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo. | |

| | | | | |
|----|------------------------------------|----|--|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn. - Biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ để đọc, viết, nói và nghe. - Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích. - Kể được một truyện cổ tích một cách sinh động. - Sống vị tha, yêu thương con người; trung thực, khiêm tốn, dũng cảm. - Biết tìm đọc một số truyền thuyết và cổ tích có đặc điểm gần gũi với các văn bản ở bài 6, bài 7 - Kể lại được một truyền thuyết hoặc cổ tích mà HS thích. - Nêu được chủ đề và trình bày được một số yếu tố của truyền thuyết, truyện cổ tích được thể hiện qua văn bản đã đọc. - Thể hiện được khả năng vận dụng, trải nghiệm kiến thức và kỹ năng được học trong những bài đã học để tự đọc những văn bản mới thuộc thể loại truyền thuyết, cổ tích. <p>Say mê, chăm chỉ trong việc tự tìm sách và đọc sách.</p> | |
| 10 | Bài 8: Khác biệt và gần gũi | 13 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. - Tóm tắt được nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn. - Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản, đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân. - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ, hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa. - Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm. - Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn đề), tóm tắt được ý kiến của người khác. - Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng. | |
| 11 | Ôn tập, KT GKII, trả bài | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã học ở học kì I. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. - Phát triển năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản. - Biết đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài viết. Biết tự sửa bài mình và giúp bạn sửa bài. - Chăm chỉ trong quá trình học tập; trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong kiểm tra. | |

| | | | | |
|----|--|----|---|--|
| 12 | Bài 9: Trái đất- Ngôi nhà chung | 13 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đặc điểm, chức năng của văn bản, đoạn văn; nhận biết được cách triển khai văn bản bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn. - Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản; hiểu được tác dụng của nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu... - Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp. - Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách; tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc. - Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất. - Chỉ ra những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân. - Nhân ái: Có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài. - Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ môi trường sống trên trái đất. | |
| 13 | Bài 10: Cuốn sách tôi yêu | 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển kỹ năng tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học. - Nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học. - Sáng tạo được các sản phẩm nghệ thuật lấy ý tưởng từ cuốn sách đã đọc. - Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách. - Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã học ở học kì II. - Say mê, yêu thích khám phá, sáng tạo. - Có thói quen đọc sách, trân quý sách, có ý thức giữ gìn sách. - Trung thực, thẳng thắn bày tỏ quan điểm trước những hiện tượng đặt ra trong sách vở và đời sống. | |
| 14 | Ôn tập, KT CKII, trả bài | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã học ở học kì II. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. - Phát triển năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản. - Biết đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài viết. Biết tự sửa bài mình và giúp bạn sửa bài. - Chăm chỉ trong quá trình học tập; trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong kiểm tra. | |

3.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian (1) | Thời điểm (2) | Yêu cầu cần đạt (3) | Hình thức (4) |
|------------------------|---------------|---------------|--|-----------------------|
| Giữa Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 9 | <ul style="list-style-type: none"> - Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã học từ tuần 1 đến tuần 8. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kỹ năng | Trắc nghiệm & Tự luận |

| | | | | |
|---------------|---------|---------|---|-----------------------|
| | | | <p>đọc, viết, nói và nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản. - Biết đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài viết. Biết tự sửa bài mình và giúp bạn sửa bài. - Chăm chỉ trong quá trình học tập; trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong kiểm tra. | |
| Cuối Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 18 | <ul style="list-style-type: none"> - Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã học ở học kì I. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. - Phát triển năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản. - Biết đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài viết. Biết tự sửa bài mình và giúp bạn sửa bài. - Chăm chỉ trong quá trình học tập; trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong kiểm tra. | Trắc nghiệm & Tự luận |
| Giữa Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 26 | <ul style="list-style-type: none"> - Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã học ở học kì II từ tuần 19 đến tuần 26 - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. - Phát triển năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản. - Biết đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài viết. Biết tự sửa bài mình và giúp bạn sửa bài. - Chăm chỉ trong quá trình học tập; trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong kiểm tra. | Trắc nghiệm & Tự luận |
| Cuối Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 35 | <ul style="list-style-type: none"> - Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã học ở học kì II. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kỹ năng đọc, viết, nói và nghe. - Phát triển năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản. - Biết đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài viết. Biết tự sửa bài mình và giúp bạn sửa bài. - Chăm chỉ trong quá trình học tập; trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong kiểm tra. | Trắc nghiệm & Tự luận |

II. MÔN NGỮ VĂN 7

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 4 lớp; **Số học sinh:** 155 ;

1.2. Tình hình đội ngũ: **Số giáo viên:** 02; **Trình độ đào tạo:** Đại học: 02 ;
Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ²: Tốt:02;

2. Thiết bị dạy học

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|-----|---|----------|---|-------------|
| 1 | Thiết bị dạy học các bài với thể loại đọc chính là truyện - Video liên quan nội dung văn bản truyện. - Bộ tranh minh họa hình ảnh một số truyện - Mô hình hóa nội dung tóm tắt văn bản, quy trình viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. | | Bài 1. Bầu trời tuổi thơ Bài 3. Cội nguồn yêu thương Bài 6. Bài học cuộc sống Bài 7. Thế giới viễn tưởng | |
| 2 | Thiết bị dạy học các bài với thể loại đọc chính là thơ - Tranh, video liên quan đến nội dung văn bản thơ. | | Bài 2. Khúc nhạc tâm hồn Bài 4. Giai điệu đất nước | |
| 3 | Thiết bị dạy học các bài với thể loại đọc chính là tùy bút, tản văn. - Tranh, ảnh, video về các địa danh trong bài học. | | Bài 5. Màu sắc trăm miền | |
| 4 | Thiết bị dạy học các bài với loại văn bản đọc chính là nghị luận | | Bài 8. Trải nghiệm để trưởng thành | |
| 5 | Thiết bị dạy học các bài với loại văn bản đọc chính là văn bản thông tin | | Bài 9. Hòa điệu với thiên nhiên | |
| 6 | Thiết bị trong dạy học dự án ở bài 10: - Thư viện nhà trường, các góc đọc sách của lớp. - Các phương tiện dạy học như: giấy vẽ, màu vẽ, tranh ảnh, phim ngắn... | | Bài 10. Trang sách và cuộc sống | |
| 7 | Máy vi tính kết nối mạng Tivi Smart | 12 | Trong tất cả tiết dạy | Trình chiếu |

3. Kế hoạch dạy học

3.1. Phân phối chương trình

Cả năm: 35 tuần (140 tiết)

² Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

| STT | BÀI HỌC | SỐ TIẾT | YÊU CẦU CẦN ĐẠT | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|----------------|---|---------|
| | Bài 1. Bầu trời tuổi thơ | 13 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ấn tượng chung về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản. - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật. - Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính, mở rộng trạng ngữ trong câu. - Biết tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, - Biết yêu quý tuổi thơ, trân trọng giá trị của cuộc sống | |
| 2 | Bài 2. Khúc nhạc tâm hồn | 13 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ bốn chữ, năm chữ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Nhận biết được biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và hiểu được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này. - Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. - Biết trân trọng, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước. | |
| 3 | Bài 3. Cội nguồn yêu thương | 14 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể. - Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện. - Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả. - Đọc hiểu: truyện; thơ bốn chữ, năm chữ. - Tiếng Việt: Dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu, biện pháp tu từ nói giảm nói tránh, số từ, phó từ - Viết: tóm tắt văn bản, đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có bốn chữ, năm chữ. - Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống. - Biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thương. | |
| 4 | Ôn tập, kt GKI, trả bài KTGKI | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học từ tuần 1 đến tuần 8. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. | |
| 5 | Bài 4: Giai điệu | 12 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, | |

| | | | | |
|---|--|----|---|--|
| | đất nước | | <ul style="list-style-type: none"> biện pháp tu từ. - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh. - Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. - Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước. | |
| 6 | Bài 5. Màu sắc trăm miền | 12 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản. - Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền. - Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt. - Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền. - Cũng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở HK1. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe - Biết tìm đọc một số bài thơ, tùy bút, tản văn viết về tình yêu quê hương và vẻ đẹp đời sống ở các vùng miền trong và ngoài nước. <ul style="list-style-type: none"> - Ghi được những nội dung đáng chú ý từ văn bản đọc vào nhật kí đọc sách. - Nhận biết và trao đổi được với bạn về: nội dung chính và chủ đề của mỗi văn bản; những nét độc đáo về từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ trong một bài thơ; chất trữ tình, cái tôi của nhà văn và ngôn ngữ được sử dụng trong một bài tùy bút hay tản văn. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích. - Biết yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước; yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền. - Chăm chỉ, hứng thú, trong việc tự tìm sách và đọc sách. Yêu quý, trân trọng sách. | |
| 7 | Ôn tập, kt CKI, trả bài KTCKI | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Cũng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học từ tuần 1 đến tuần 17(trọng tâm tuần 10-17). - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. | |
| 8 | Bài 6. Bài học cuộc sống | 12 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề. - Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần. - Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu | |

| | | | | |
|----|---|----|--|--|
| | | | <p>từ nói quá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. - Biết kể lại được một truyện ngụ ngôn: kể đúng truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt hấp dẫn. - Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm. | |
| 9 | Bài 7. Thế giới viễn tưởng | 13 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn. - Hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc, công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản. - Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. - Biết thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến khi thảo luận. - Biết khát vọng và ước mơ; có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực. - Biết tìm đọc một số câu tục ngữ, truyện ngụ ngôn và truyện khoa học viễn tưởng. - Ghi được những thông tin và ý tưởng cơ bản từ các văn bản đọc vào nhật kí đọc sách. | |
| 10 | Bài 8. Trải nghiệm để trưởng thành I | 13 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn văn bản. - Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong văn bản; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ. - Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe. - Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng. | |
| 11 | Ôn tập, kt GKI, trả bài KTGKII | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học từ tuần 19 đến tuần 26. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. | |
| 12 | Bài 9. Hòa điệu với tự nhiên | 14 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, vai trò của các chi tiết, cách triển khai, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu văn bản hơn. | |

| | | | | |
|----|--|---|--|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo văn bản thông tin; hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó. - Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. - Giải thích được (dưới hình thức nói) quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động. - Biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên. - Biết tìm đọc một số văn bản nghị luận và văn bản thông tin có nội dung gần gũi với những văn bản đã học ở các bài 8, 9. <ul style="list-style-type: none"> - Ghi được những ý tưởng và thông tin quan trọng từ các văn bản đọc vào nhật kí đọc sách. - Nhận biết và trao đổi được với bạn về: nội dung chính của mỗi văn bản; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được nêu ra trong văn bản nghị luận; cách triển khai nội dung trong văn bản thông tin. - Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng; Biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên. - Chăm chỉ, hứng thú, trong việc tự tìm sách và đọc sách. Yêu quý, trân trọng sách. | |
| 13 | Bài 10. Trang sách và cuộc sống | 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó. - Phát triển kĩ năng viết: viết về một nhân vật yêu thích. - Phát triển kĩ năng nói và nghe: trình bày, trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài có liên quan. - Yêu thích đọc sách, có ý thức giữ gìn sách và biết vận dụng những điều đã học vào thực tế. | |
| 14 | Ôn tập, kt CKII, trả bài KTCKII | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học từ tuần 19 đến tuần 34.(Trọng tâm tuần 26-34) - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. | |

3.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian (1) | Thời điểm (2) | Yêu cầu cần đạt (3) | Hình thức (4) |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|--|----------------------|
| Giữa Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 9 | - Nhận biết và hiểu được các nét đặc trưng của truyện: đề tài, chi tiết tiêu biểu, nhân vật và tính cách nhân vật, việc thay đổi kiểu người kể chuyện; nêu được chủ đề, thông điệp | Viết trên |

| | | | | |
|---------------|---------|---------|--|--|
| | | | <p>của văn bản truyện; thể hiện được thái độ, quan điểm cá nhân với vấn đề đặt ra trong văn bản, nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và hiểu được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ trong bài thơ bốn chữ, năm chữ; hiểu tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; rút ra được thông điệp, chủ đề; đánh giá được nét độc đáo của bài thơ, trình bày cảm nhận sâu sắc và rút ra bài học ứng xử cho bản thân. - Nhận biết và hiểu được những nội dung liên quan đến các đơn vị kiến thức: số từ, phó từ, biện pháp tu từ nói giảm nói tránh, dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu,. - Tóm tắt được văn bản truyện; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có bốn chữ, năm chữ. - Chăm chỉ, có trách nhiệm trong việc làm bài và sửa bài kiểm tra; thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh. | giấy TN kết hợp TL |
| Cuối Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 18 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và hiểu được các nét đặc trưng của truyện: đề tài, chi tiết tiêu biểu, nhân vật và tính cách nhân vật, việc thay đổi kiểu người kể chuyện; nêu được chủ đề, thông điệp của văn bản truyện; thể hiện được thái độ, quan điểm cá nhân với vấn đề đặt ra trong văn bản, nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc. - Nhận biết và hiểu được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ trong bài thơ bốn chữ, năm chữ; hiểu tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; rút ra được thông điệp, chủ đề; đánh giá được nét độc đáo của bài thơ, trình bày cảm nhận sâu sắc và rút ra bài học ứng xử cho bản thân. - Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản; thể hiện được thái độ, quan điểm cá nhân với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong văn bản tùy bút, tản văn, nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc. - Nhận biết và hiểu được những nội dung liên quan đến các đơn vị kiến thức: Dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu, biện pháp tu từ nói giảm nói tránh, số từ, phó từ, ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh, từ ngữ địa phương; - Tóm tắt được văn bản truyện; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có bốn chữ, năm chữ; viết được bài văn phân tích nhân vật văn học; viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. - Chăm chỉ, có trách nhiệm trong việc làm bài và sửa bài kiểm tra; thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh. | Viết trên giấy TN kết hợp TL |
| Giữa Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 26 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và hiểu được một số yếu tố đặc trưng của truyện ngụ ngôn (đề tài, tình | Viết |

| | | | | |
|---------------|---------|---------|--|------------------------------|
| | | | <p>huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề), tục ngữ (số lượng câu, chữ, vần), truyện khoa học viễn tưởng (đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt ngắn gọn văn bản); nêu được chủ đề, thông điệp, ý nghĩa, những điều mơ tưởng, những dự báo về tương lai thể hiện ở từng loại văn bản tương ứng: truyện ngụ ngôn/tục ngữ/truyện khoa học viễn tưởng; thể hiện được thái độ quan điểm cá nhân với vấn đề đặt ra trong văn bản, rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản, nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật/sự việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, nhận biết và hiểu được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; xác định được mục đích, nội dung chính của VB nghị luận, mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng; thể hiện được thái độ quan điểm cá nhân với vấn đề đặt ra trong văn bản, rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. - Nhận biết, hiểu được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, biện pháp tu từ nói quá, công dụng của dấu chấm lửng; hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc; nhận biết và hiểu đặc điểm, chức năng của thuật ngữ. - Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả; viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. - Chăm chỉ, có trách nhiệm trong việc làm bài và sửa bài kiểm tra; thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh. | trên giấy TN kết hợp TL |
| Cuối Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 35 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và hiểu được một số yếu tố đặc trưng của truyện ngụ ngôn (đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề), tục ngữ (số lượng câu, chữ, vần), truyện khoa học viễn tưởng (đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt ngắn gọn văn bản); nêu được chủ đề, thông điệp, ý nghĩa, những điều mơ tưởng, những dự báo về tương lai thể hiện ở từng loại văn bản tương ứng: truyện ngụ ngôn/tục ngữ/truyện khoa học viễn tưởng; thể hiện được thái độ quan điểm cá nhân với vấn đề đặt ra trong văn bản, rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản, nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật/sự việc. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, nhận biết và hiểu được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; xác định được mục đích, nội dung chính của VB nghị luận, mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng; thể hiện được thái độ quan điểm cá nhân với vấn đề đặt ra trong văn bản, rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. - Nhận biết được thông tin cơ bản của một văn bản thông tin; hiểu được vai trò của các chi tiết, cách triển khai ý tưởng, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nhận biết văn | Viết trên giấy TN kết hợp TL |

| | | | |
|--|--|--|---|
| | | | <p>bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản thông tin, rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản, nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm về văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo; - Nhận biết, hiểu được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, biện pháp tu từ nói quá, công dụng của dấu chấm lửng; hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc; nhận biết và hiểu đặc điểm, chức năng của thuật ngữ; nhận biết và hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó trong ngữ cảnh. - Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả; viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống; viết được bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. - Chăm chỉ, có trách nhiệm trong việc làm bài và sửa bài kiểm tra; thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh. |
|--|--|--|---|

III. MÔN NGỮ VĂN 8

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 03; Số học sinh: 103

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 02 ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 02 ; Trên đại học: 0
Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên³: Tốt: 02; Khá:0; Đạt: 0 Chưa đạt: 0

2. Thiết bị dạy học:

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|-----|---|----------|---|------------------|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm. - Tranh ảnh - Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập. | 06 | <p>Dạy các bài/ chủ đề trong chương trình của bộ sách</p> <p>Bài 1. Câu chuyện của lịch sử. Bài 2. Vẻ đẹp cổ điển. Bài 3. Lời sông núi. Bài 4. Tiếng cười trào phúng trong thơ. Bài 5. Những câu chuyện hài. Bài 6. Chân dung cuộc sống.</p> | Máy tính cá nhân |

³ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

| | | | | |
|--|--|--|--|--|
| | | | Bài 7. Tin yêu và ước vọng. Bài 8. Nhà văn và trang viết. Bài 9. Hôm nay và ngày mai. Bài 10. Sách – Người bạn đồng hành. | |
|--|--|--|--|--|

3. Kế hoạch dạy học

3.1. Phân phối chương trình Cả năm: 35 tuần (140 tiết)

| ST T | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt | Ghi chú |
|---------|--------------------------------------|------------|---|---------|
| 1 | Bài 1: Câu chuyện của lịch sử | 12 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số yêu cầu của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ. - Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Nhận biết được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương; hiểu được phạm vi, tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương trong giao tiếp và trong sáng tác văn học. - Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc. - Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách. - Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước. | |
| 2 | Bài 2. Vẻ đẹp cổ điển | 12 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản. - Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh. - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội. - Biết yêu quý, trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống. | |
| 3 | Bài 3. Lời sông núi | 12 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết. - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại. - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; biết vận dụng trong tiếp nhận và tạo lập văn bản. | |

| | | | | |
|---|---|----|---|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống. - Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó. - Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của đời sống. | |
| 4 | Ôn tập và kiểm tra giữa kì I, trả bài | 05 | <ul style="list-style-type: none"> - củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã học ở bài 1,2,3. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. - Phát triển năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản - Chăm chỉ trong quá trình học tập; trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong kiểm tra. - Khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong nửa đầu học kì I đã học, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học. - Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập. - Có ý thức tự giác, nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện bài KT. | |
| 5 | Bài 4: Tiếng cười trào phúng trong thơ | 12 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng. - Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ. - Nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ và nghĩa hàm ẩn; giải thích được nghĩa của một số tục ngữ thông dụng. - Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống. - Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội. - Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp. | |
| 6 | Bài 5: Những câu chuyện hài | 11 | <ul style="list-style-type: none"> - Tìm đọc một số bài thơ trào phúng viết theo thất ngôn bát cú, tứ tuyệt Đường luật, một số hài kịch và truyện cười. Từ đó tìm hiểu chủ đề và các yếu tố trong văn bản cụ thể theo thể loại. - củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã học. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. - Phát triển năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản - Chăm chỉ trong quá trình học tập; trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong kiểm tra. -Hiểu và thực hiện được yêu cầu của câu hỏi/bài tập... tự đánh giá kết quả học tập cuối kì. ... | |
| 7 | Ôn tập, kt CKI, trả bài | 06 | <ul style="list-style-type: none"> - củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã học. - Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. - Phát triển năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản - Chăm chỉ trong quá trình học tập; trung thực và có tinh thần trách nhiệm trong kiểm tra. -Hiểu và thực hiện được yêu cầu của câu hỏi/bài tập... tự đánh giá kết quả học tập cuối kì. ... | |

| | | | | |
|----|--|----|---|--|
| 8 | Bài 6: Chân dung cuộc sống | 12 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm văn học. - Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học. - Nhận biết được đặc điểm của trợ từ, thán từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả. - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. - Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách. - Trân trọng, tin yêu vẻ đẹp của con người, thiên nhiên; biết sống có trách nhiệm. | |
| 9 | Bài 7: Tin yêu và ước vọng | 12 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc. - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản. - Bước đầu biết làm một bài thơ tự do; viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do. - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. | |
| 10 | Bài 8: Nhà văn và trang viết | 13 | <ul style="list-style-type: none"> - Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. - Yêu quê hương, đất nước; có niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống, có khát vọng và hoài bão lớn lao. - Tìm đọc một số truyện ngắn viết về sự phong phú, đa dạng của cuộc sống; một số bài thơ thuộc thể thơ tự do thể hiện niềm tin yêu và ước vọng của con người. Ghi vào nhật kí đọc sách những thông tin cơ bản về nội dung và hình thức nghệ thuật của các văn bản đó. Nắm được đề tài, chủ đề, câu chuyện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu; đặc điểm của cốt truyện (đơn tuyến hay đa tuyến); những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, cách sống của bản thân em sau khi đọc tác phẩm. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ hoặc bài thơ thuộc thể thơ tự do mà em yêu thích. - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các thành phần biệt lập trong câu. - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. | |
| 11 | Ôn tập GHK KT GHK Trả bài | 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: các nội dung cơ bản đã học trong nửa đầu học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học. | |

| | | | | |
|----|--|----|---|--|
| | KTGHK | | - Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập giữa kì 2. | |
| 12 | Bài 9: Hôm nay và ngày mai | 13 | - Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên, văn bản giới thiệu một bộ phim và cách trình bày thông tin trong văn bản, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được hiệu quả biểu đạt của phương tiện phi ngôn ngữ; liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại. - Nhận biết được các kiểu câu phân loại theo mục đích nói, phân biệt được câu phủ định và câu khẳng định. - Viết được văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên và văn bản kiến nghị về một vấn đề đời sống. | |
| 13 | Bài 10: Sách- người bạn đồng hành | 6 | - Nhận biết và phân tích được đặc điểm của văn bản giới thiệu một cuốn sách. - Nhận biết và phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn bản văn học. - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học. - Viết được văn bản thuyết minh giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng, trình bày mạch lạc, thuyết phục. - Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách: cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật. - Yêu thích và chủ động chia sẻ những tác dụng tích cực của việc đọc sách tới cộng đồng. | |
| 14 | Ôn tập CHK KT CHK Trả bài KTCHK | 7 | Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: các nội dung cơ bản đã học trong học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học. - Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập cuối kì 2. | |

3.2 Kiểm tra, đánh giá định kỳ:

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian (1) | Thời điểm (2) | Yêu cầu cần đạt (3) | Hình thức (4) |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|---|------------------------------|
| Giữa học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 9 | Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: các nội dung cơ bản đã học trong nửa đầu học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức | Viết trên giấy TN kết hợp TL |

| | | | | |
|---------------|---------|---------|---|------------------------------|
| | | | tiếng Việt, văn học. - Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập giữa kì I. | |
| Cuối học kỳ 1 | 90 phú | Tuần 18 | Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học. - Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập cuối kì 1. | Viết trên giấy TN kết hợp TL |
| Giữa học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 26 | Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: các nội dung cơ bản đã học trong nửa đầu học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học. - Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập giữa kì 2. | Viết trên giấy TN kết hợp TL |
| Cuối học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 35 | Chọn các yêu cầu cần đạt về Đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và Viết theo phạm vi: các nội dung cơ bản đã học trong học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học. - Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập cuối kì 2. | Viết trên giấy TN kết hợp TL |

IV. MÔN NGỮ VĂN 9

1. Đặc điểm tình hình:

1.1 Số lớp: 03 - Số học sinh: 95.

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 02; Trình độ đào tạo: Đại học:02

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 02

2. Thiết bị dạy học:

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|-----|---|----------|---|------------------|
| | - Tivi – Máy tính - Loa - Giấy Roki – nam châm – Bút lông – Bảng phụ. - Tranh ảnh | | Dạy các bài/ chủ đề trong chương trình của bộ sách Bài 1. Thế giới kì ảo. Bài 2. Những cung bậc tâm trạng. Bài 3. Hồn nước nằm trong tiếng mẹ cha. | Máy tính cá nhân |

| | | | |
|---|-------|--|--|
| - Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập. | 02 bộ | Bài 4. Khám phá vẻ đẹp văn chương. Bài 5. Đối diện với nỗi đau. Bài 6. Giải mã những bí mật. Bài 7. Hồn thơ muôn điệu. Bài 8. Tiếng nói của lương tri. Bài 9. Đi và suy ngẫm. Bài 10. Văn học – Lịch sử tâm hồn. | |
|---|-------|--|--|

3. Kế hoạch dạy học

3.1. Phân phối chương trình: cả năm 140 tiết

| STT | Bài học (1) | Số tiết (2) | Yêu cầu cần đạt (3) | Ghi chú |
|-----|---|----------------|---|---------|
| 1 | Bài 1. Thế giới kì ảo. | 12 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện. - Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học. - Nhận biết được điển tích, điển cố và phân tích được tác dụng của chúng; nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn. - Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. - Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự. <p>Trung thực, yêu thương con người, trân trọng những con người có phẩm chất tốt đẹp.</p> | |
| 2 | Bài 2. Những cung bậc tâm trạng. | 12 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát. - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB. - Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học. - Nhận biết và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp thanh và điệp vần. -Viết được VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả | |

| | | | | |
|----------|--|----------------|---|--|
| | | | <p>thâm mĩ của nó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. - Yêu thương, đồng cảm với con người và trân trọng vẻ đẹp của cuộc sống. | |
| 3 | Bài 3. Hồn nước nằm trong tiếng mẹ cha. | 13 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề, phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp, biết vận dụng trong tiếp nhận và tạo lập văn bản, - Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống. - Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó. - Yêu nước, trách nhiệm: Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng. | |
| 4 | Ôn tập và kiểm tra, trả bài giữa kì I | 04 tiết | <p>Nhận biết được bài kiểm tra cuối kỳ I có hai phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần đọc hiểu: Nhận biết các vấn đề về đặc trưng thể loại của văn bản Truyện truyền kỳ, truyện thơ Nôm và thơ Song thất lục bát; Nhận biết một số vấn đề về tiếng Việt, cấu trúc câu. Hiểu một số ý nghĩa của chi tiết, nhân vật, nội dung trong các thể loại văn bản truyện truyền kỳ, thơ Nôm, song thất lục bát; hiểu nghĩa của từ.... Vận dụng nêu được suy nghĩa, cảm nhận về các vấn đề gợi ra từ văn bản. - Phần Viết: - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học (truyện), bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống, có bố cục rõ ràng, diễn đạt trôi chảy. - Trung thực, trách nhiệm | |
| 5 | Bài 4. | 12 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB nghị luận văn chương. - Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học; hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau. | |

| | | | | |
|----------|--|----------------|---|--|
| | Khám phá vẻ đẹp văn chương. | | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; biết cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp. - Viết được một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó; có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn VB của người khác - Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. - Yêu thích việc khám phá vẻ đẹp văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn | |
| 6 | Bài 5. ĐỐI DIỆN VỚI NỠ ĐAU. | 14 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại. - Nhận biết được đặc điểm của câu rút gọn, câu đặc biệt và hiểu được chức năng của các kiểu câu này để sử dụng một cách hiệu quả. - Viết được bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó. - Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. -Coi trọng những giá trị nhân văn cao đẹp; lựa chọn hành động và cách ứng xử phù hợp để có được hạnh phúc chân chính | |
| 7 | Ôn tập và kiểm tra , trả bài cuối kì I. | 05 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập, củng cố được kiến thức đã học; đánh giá được kĩ năng đọc hiểu, kĩ năng viết đoạn văn, bài văn về các thể loại/ chủ đề đã học (yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối). - Một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng; một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ; nhận biết và phân tích được giá trị nội dung và hình thức của các văn bản, vận dụng vào thực tiễn. - Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó: hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ; câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ và nghĩa hàm ẩn; giải thích được nghĩa của | |

| | | | | |
|----------|--|----------------|---|--|
| | | | <p>một số câu tục ngữ thông dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học, bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống - Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, trung thực thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh. | |
| 8 | Bài 6. Giải mã những bí mật. | 13 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB đã học mang lại. - Nhận biết được các kiểu câu ghép, kết từ để nối các vế câu ghép; biết lựa chọn câu đơn hoặc câu ghép trong hoạt động giao tiếp. - Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện. - Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...). - Sống trung thực, trách nhiệm; tôn trọng pháp luật. | |
| 9 | Bài 7. Hồn thơ muôn điệu. | 14 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB. - Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Hiểu được sự phát triển của ngôn ngữ thể hiện qua những nghĩa mới của từ ngữ và từ ngữ mới; biết vận dụng để tra cứu vốn từ. - Bước đầu biết làm một bài thơ tám chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ. - Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. - Có tình yêu đối với thơ ca và vẻ đẹp của con người, cuộc sống được thể hiện trong thơ | |
| | Bài 8. Tiếng nói của lương tri. | 12 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB; mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. - Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong VB; liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội. | |

| | | | | |
|----|---|---------|---|--|
| 10 | | | <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày chủ quan - Hiểu được nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng - Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. - Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự; nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến, chỉ ra được những hạn chế trong vấn đề cần nghị luận. - Có tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng, đất nước và nhân loại; sẵn sàng lên tiếng trước những vấn đề quan trọng, gay gắt | |
| 11 | Ôn tập, kiểm tra, trả bài giữa kì II | 05 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Phân đọc hiểu:- Nhận biết và trình bày được đặc trưng của chi tiết tiêu biểu của truyện trinh thám, thông tin khách quan và ý kiến chủ quan trong tác phẩm văn học nghị luận - Nhận biết, đặc điểm của câu đơn, câu ghép, phương tiện nối các vế câu ghép, - Phân Viết:- Viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về 1 bài thơ 8 chữ, viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội. - Trung thực, trách nhiệm | |
| 12 | Bài 9. Đi và suy ngẫm. | 12 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, tác dụng của cách trình bày thông tin trong VB (trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...). - Phân tích được thông tin cơ bản của VB; biết giải thích ý nghĩa của nhan đề và đánh giá vai trò của các chi tiết quan trọng trong VB. - Nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ dùng để biểu đạt thông tin trong VB. - Hiểu được các hình thức làm biến đổi, mở rộng cấu trúc câu và ý nghĩa của chúng để vận dụng vào hoạt động tạo lập VB. - Viết được bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa. - Thuyết minh được (dưới hình thức nói) về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa - Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm. - Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau; hình thành được ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho. - Tự hào về vẻ đẹp muôn màu của đất nước và truyền thống lịch sử anh hùng | |

| | | | | |
|----|---|---------|---|--|
| | | | của dân tộc; có ý thức gìn giữ những di sản quý báu do ông cha để lại và bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam | |
| 13 | Bài 10. Văn học – Lịch sử tâm hồn. | 08 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học. - Nhận biết và phân tích được đặc điểm của bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó. - Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống. - Viết được một quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ. – Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn. - Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp, giá trị của nền văn học dân tộc | |
| 14 | Ôn tập và kiểm tra cuối kì II. | 04 tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Phân đọc hiểu: Nhận biết, hiểu và trình bày được các yếu tố của văn bản nghị luận văn chương, văn bản thuyết minh về 1 danh lam thắng cảnh. Nhận biết và thực hành các vấn đề về từ ngữ, ngữ pháp, biện pháp tu từ trong tiếng Việt. -Viết: Viết được bài văn bản thuyết minh một danh lam thắng cảnh, viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội. - Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh. | |

3.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ.

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian (1) | Thời điểm (2) | Yêu cầu cần đạt (3) | Hình thức (4) |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|--|------------------------------|
| Giữa Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 9 | <ul style="list-style-type: none"> - Phân đọc hiểu: Phân đọc hiểu nêu các yếu tố có trong truyện truyền kì, thơ song thất lục bát; truyện thơ Nôm, nắm được giá trị nội dung và hình thức của các văn bản, vận dụng vào thực tiễn. - Nhận biết được điển tích, điển cố, chữ Nôm, chơi chữ, điệp ngữ, điệp vần. - Phần Viết :Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết về con người trong mối quan hệ với tự nhiên, văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát.) -Trung thực, trách nhiệm | Viết trên giấy TN kết hợp TL |

| | | | | |
|---------------|---------|---------|---|------------------------------|
| Cuối Học kỳ 1 | 90 phút | Tuần 18 | <ul style="list-style-type: none"> - Phân đọc hiểu: Nhận biết được yếu tố luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận, vai trò của người đọc, bối cảnh tiếp nhận tác phẩm; Xung đột của bi kịch, đề tài của bi kịch...; cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp, câu rút gọn, câu đặc biệt... - Phân Viết: - Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học (truyện), bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống, có bố cục rõ ràng, diễn đạt trôi chảy. -Trung thực, trách nhiệm | Viết trên giấy TN kết hợp TL |
| Giữa Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 26 | <ul style="list-style-type: none"> - Phân đọc hiểu:- Nhận biết và trình bày được đặc trưng của chi tiết tiêu biểu của truyện trinh thám, văn bản nghị luận văn học - Nhận biết, đặc điểm của câu đơn, câu ghép, phương tiện nối các vế câu ghép, - Phân Viết:- Viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về 1 bài thơ 8 chữ, viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội. - Trung thực, trách nhiệm | Viết trên giấy TN kết hợp TL |
| Cuối Học kỳ 2 | 90 phút | Tuần 35 | <ul style="list-style-type: none"> - Phân đọc hiểu: Nhận biết, hiểu và trình bày được các yếu tố của văn bản thuyết minh về 1 danh lam thắng cảnh, văn bản nghị luận văn học. Nhận biết và thực hành biến đổi và mở rộng cấu trúc câu -Viết: Viết được bài văn bản thuyết minh một danh lam thắng cảnh, viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề cần giải quyết trong đời sống xã hội. - Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh. | Viết trên giấy TN kết hợp TL |

B. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 03 ; Số học sinh: 129

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 01; Trình độ đào tạo: Đại học: 01.

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt:01;

2. Thiết bị dạy học

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/ Thực hành. | Ghi chú |
|-----|------------------|----------|--------------------------------|---------|
| 1 | Ti vi | 02 | | |
| 2 | Máy tính | 01 | | |

| | | | | |
|----------|---|----------|--|--|
| 3 | Bảng phụ, bút dạ (phấn); giấy A4 | 10 10 | | |
| | Thiết bị dạy học cụ thể | | | |
| 4 ... | Tranh thể hiện truyền thống của gia đình, dòng họ | 01 tờ | Tự hào về truyền thống gia đình dòng họ. | |
| | Tranh thể hiện sự yêu thương, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, học tập và sinh hoạt. | 01 bộ | Yêu thương con người. | |
| 5 | Bộ tranh thể hiện sự chăm chỉ siêng năng, kiên trì trong học tập, sinh hoạt hàng ngày. | 01 bộ | Siêng năng kiên trì. | |
| 6 | Bộ tranh hướng dẫn các bước phòng tránh và ứng phó với tình huống nguy hiểm. | 01 bộ | Ứng phó với tình huống nguy hiểm. | |
| 7 | Video/clip tình huống về tiết kiệm | 01 | Tiết kiệm. | |
| 8 | Bộ tranh thể hiện những hành vi tiết kiệm điện, nước | 01 bộ | Tiết kiệm. | |
| 9 | Tranh thể hiện mô phỏng mối quan hệ giữa nhà nước và công dân | 01 tờ | Công dân nước cộng hòa XHCN VN. | |
| 10 | Bộ tranh về các nhóm quyền của trẻ em | 01 bộ | Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. | |

| | | | | |
|----|---|------------------------------------|-----------------------------------|--|
| 11 | Bộ dụng cụ thực hành tự nhận thức bản thân(Gương méo, gương lồi) | | | |
| 12 | Bộ dụng cụ cho học sinh thực hành ứng phó với các tình huống nguy hiểm (áo phao, bình chữa cháy, bông băng y tế...) - Video, tranh ảnh, phiếu học tập về bom mìn | 1 bộ | Ứng phó với tình huống nguy hiểm. | |
| 13 | Bộ dụng cụ thực hành tiết kiệm (heo đất, thùng quỹ tình thương) | 2 heo đất, 2 thùng quỹ tình thương | Tiết kiệm. | |

3. Kế hoạch dạy học

3.1. Phân phối chương trình.

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|-----|---|---------|--|
| | Bài 1. Tự hào về truyền thống gia đình và dòng họ. | 3 | <p>1. Về kiến thức Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ. Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. Biết giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình, dòng họ bằng những việc làm cụ thể phù hợp.</p> <p>2.Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ, <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch để không ngừng phát huy và nâng cao các trị truyền thống tốt đẹp</p> <p>3.Về phẩm chất : <i>Yêu nước:</i> Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động để phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ. <i>Nhân ái:</i> Trân trọng những giá trị tốt đẹp mà ông bà, bố mẹ, các thế hệ đi trước đã xây dựng. <i>Trách nhiệm:</i> Có có ý thức tìm hiểu, tham gia các hoạt động của gia đình dòng họ, quan tâm đến các công việc của gia đình.</p> |

| | | | |
|---|--|---|--|
| 2 | Bài 2. Yêu thương con người. | 2 | <p>1. Về kiến thức: Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người. Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người. Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tình. yêu thương của người khác. Phê phán những biểu hiện trái với tình yêu thương con người.</p> <p>2. Về năng lực: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, những giá trị truyền thống của tình yêu thương con người. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế</p> |
| | | | <p>hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy những giá trị về tình yêu thương con người theo chuẩn mực đạo đức của xã hội. <i>Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội:</i> Tích cực tham gia các hoạt động nhằm góp phần vào việc lan tỏa các giá trị về tình yêu thương con người..</p> <p>3. Về phẩm chất: <i>Yêu nước:</i> Có ý thức tìm hiểu các giá trị, phẩm chất của yêu thương con người của người Việt Nam <i>Chăm chỉ:</i> Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập;</p> |
| 3 | Bài 3. Siêng năng kiên trì. | 2 | <p>1. Về kiến thức: Nêu được khái niệm, biểu hiện của siêng năng, kiên trì. - Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì. Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hằng ngày. Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động.</p> <p>2. Về năng lực: <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được vai trò của việc siêng năng, kiên trì, tích cực học tập, rèn luyện để đáp ứng các nhu cầu của bản <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.</p> <p>3. Về phẩm chất: <i>Chăm chỉ:</i> Kiên trì, cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân. <i>Trách nhiệm:</i> Tích cực tham gia các hoạt động tập thể,</p> |

| | | | |
|---|---------------------------------|---|--|
| 4 | Bài 4. Tôn trọng sự thật | 3 | <p>1. Về kiến thức Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật. Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật.</p> <p>2. Về năng lực</p> |
| | | | <p><i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Tự giác thực hiện một cách đúng đắn những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện</p> <p>3. Về phẩm chất <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân <i>Trách nhiệm:</i> Thực hiện đúng nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật, không tiếp tay cho kẻ xấu...</p> |
| | Bài 5. Tự lập | 2 | <p>1. Về kiến thức Nêu được khái niệm tự lập. Liệt kê được các biểu hiện của người có tính tự lập. Hiểu vì sao phải tự lập. Đánh giá được khả năng tự lập của bản thân và người khác. Tự thực hiện được nhiệm vụ của bản thân trong học tập, sinh hoạt hằng ngày, hoạt động tập thể ở trường và trong cuộc sống cộng đồng, không dựa dẫm, ỷ lại và phụ thuộc vào người khác.</p> <p>2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Có kiến thức cơ bản để tự nhận thức, tự quản lí, tự bảo vệ bản thân <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Hoàn thiện bản thân nhằm nâng cao giá trị bản thân, đạt những mục tiêu cuộc sống phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, của bản thân, lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện của bản thân mình <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.</p> <p>3. Về phẩm chất <i>Chăm chỉ:</i> Luôn cố gắng tự mình vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tham gia công việc lao động, sản xuất trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân.</p> |

| | | | |
|---|---|---|--|
| | | | <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người, khách quan, công bằng trong nhận thức |
| 6 | Bài 6. Tự nhận thức bản thân. | 3 | <p>1. Về kiến thức Nêu được thế nào là tự nhận thức bản thân. Nhận biết được ý nghĩa của tự nhận thức bản thân. Tự nhận thức được điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí, tình cảm, các mối quan hệ của bản thân. Biết tôn trọng bản thân, xây dựng được kế hoạch phát huy điểm mạnh và hạn chế điểm yếu của bản thân.</p> <p>2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống; <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân. Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân <i>Năng lực giao tiếp và hợp tác:</i> Nhận xét được ưu điểm, thiếu sót của bản thân, biết điều chỉnh hành vi của bản thân mình để phù hợp với mối quan hệ với các thành viên trong xã hội.</p> <p>3. Về phẩm chất <i>Chăm chỉ:</i> Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân. <i>Trách nhiệm:</i> Có thói quen nhìn nhận đánh giá bản thân mình, có ý thức tu dưỡng và rèn luyện.</p> |
| 7 | Bài 7. Ứng phó với tình huống nguy hiểm. | 3 | <p>1. Kiến thức Nhận biết được các tình huống nguy hiểm và hậu quả của những tình huống nguy hiểm từ con người, thiên nhiên và nhận biết được đặc điểm của một số bom mìn VN, tình huống nguy hiểm do bom mìn, vật nổ gây ra. Nêu được cách ứng phó với một số tình huống nguy hiểm từ con người, thiên nhiên và bom mìn, vật nổ. Thực hành được cách ứng phó trước một số tình huống nguy hiểm từ con người và thiên nhiên, tình huống liên quan đến BM, VN để đảm bảo an toàn.</p> |

| | | |
|---|--------------------------|--|
| | | <p>2.Năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những kỹ năng sống cơ bản, phù hợp với lứa tuổi. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản như để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống. <i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong cuộc sống. <i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Phát hiện và giải quyết được những tình huống phát sinh trong cuộc sống hàng ngày. - Tránh xa bom mìn vật nổ, xử lí, ứng phó tình huống nguy hiểm liên quan đến BMVN.</p> <p>3.Phẩm chất <i>Chăm chỉ:</i> Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày. <i>Trách nhiệm:</i> Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ con người, phản đối những hành vi xâm hại con người và thiên nhiên.</p> |
| 8 | Bài 8. Tiết kiệm. | <p>3</p> <p>1. Về kiến thức Nêu được khái niệm tiết kiệm và biểu hiện của tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện, nước,...). Hiểu vì sao phải tiết kiệm. Thực hành tiết kiệm trong cuộc sống, học tập. Nhận xét, đánh giá được việc thực hành tiết kiệm của bản thân và những người xung quanh. Phê phán những biểu hiện lãng phí.</p> <p>2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lý tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh, tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước, bước đầu biết quản lý tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lí. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày, thực hiện được việc quản lí và chi tiêu tiền</p> |

| | | | |
|---|---|---|--|
| | | | <p>hợp lí theo kế hoạch đã đề ra.</p> <p><i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống, không đua đòi ăn diện lãng phí, nghịch ngợm, hiểu được vai trò của tiết kiệm</p> <p><i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Lập được kế hoạch chi tiêu hợp lý của bản thân, từng bước hiểu và coi trọng tiền bạc một cách hợp lý, biết cách quản lý tiền bạc của bản thân một cách phù hợp.</p> <p>3. Về phẩm chất</p> <p><i>Chăm chỉ:</i> Có ý thức tham gia công việc lao động, sản xuất trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân.</p> <p><i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tiết kiệm của công, trân trọng những giá trị vật chất do mình và mọi người tạo ra.</p> <p><i>Trách nhiệm:</i> Có thói quen chi tiêu và sử dụng hợp lý tiết kiệm tiền bạc và của cải vật chất của mình và mọi người.</p> |
| 9 | Bài 9. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. | 2 | <p>1. Về kiến thức</p> <p>Nêu được khái niệm công dân; căn cứ xác định công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>Nêu được quy định của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.</p> <p>Bước đầu thực hiện được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.</p> <p>2. Về năng lực</p> <p><i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được những khái niệm pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.</p> <p><i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Xác định được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân nước cộng hòa XHCN Việt Nam. Có ý thức tìm hiểu pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.</p> <p><i>Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội:</i> Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về pháp luật; nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan pháp luật, kĩ năng sống. Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công</p> |

| | | | |
|----|---|---|--|
| | | | <p>dân.</p> <p><i>Năng lực tự chủ và tự học:</i> Hiểu biết về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân q, nhu cầu cá nhân; biết phân biệt quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng.</p> <p><i>Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:</i> Phân tích được tình huống liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân giải quyết được một cách phù hợp các hướng trong đời sống.</p> <p>3. Về phẩm chất</p> <p><i>Yêu nước:</i> Tích cực, chủ động thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, tôn trọng các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.</p> <p><i>Nhân ái:</i> tôn trọng các quyền và nghĩa vụ cơ bản của người khác, không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xuý, không tham gia các hành vi bạo lực.</p> <p><i>Trung thực:</i> Tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người, khách quan, công bằng trong nhận thức, ứng xử; không xâm phạm của công; đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.</p> |
| 10 | Bài 10. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. | 2 | <p>1. Về kiến thức</p> <p>Nêu được những quy định của Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.</p> <p>Thực hiện được quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân phù hợp với lứa tuổi.</p> <p>2. Về năng lực</p> <p><i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được quy định của pháp luật phổ thông, về quyền và nghĩa vụ của công dân và ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó. Tự giác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của người khác.</p> <p><i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Có kế hoạch để thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, vào những việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.</p> <p><i>Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội:</i> Hiểu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về pháp luật; nhận biết được một số sự kiện, liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.</p> <p>3. Về phẩm chất</p> <p><i>Yêu nước:</i> Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt.</p> <p><i>Nhân ái:</i> Tôn trọng quyền và nghĩa vụ của mọi người, cùng nhau thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân nhằm xây dựng các quan hệ tốt đẹp và lành mạnh.</p> <p><i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều</p> |

| | | | |
|----|---|---|---|
| | | | hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử; không xâm phạm đến quyền và nghĩa vụ công dân của người khác. |
| 11 | Bài 11. Quyền cơ bản của trẻ em. | 2 | <p>1.Về kiến thức Nêu được các quyền cơ bản của trẻ em, ý nghĩa của quyền trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em. Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em. Nêu được trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc thực hiện quyền trẻ em.</p> <p>Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được các quyền trẻ em, tích cực tham gia thực hiện quyền trẻ em của bản thân thành những việc làm phù hợp lứa tuổi <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Biết vận dụng các quyền trẻ em để thực hiện các việc làm của bản thân một cách phù hợp để hoàn thiện bản thân mình</p> <p>Về phẩm chất <i>Yêu nước:</i> Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền trẻ em cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt quyền của trẻ em. <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử.</p> |
| 12 | Bài 12. Thực hiện quyền trẻ em. | 2 | <p>1. Về kiến thức. - Nêu được trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em.</p> |
| | | | <p>Phân biệt được hành vi thực hiện quyền trẻ em và hành vi vi phạm quyền trẻ em. Nhận xét, đánh giá được việc thực hiện quyền trẻ em của bản thân, bày tỏ được nhu cầu để thực hiện tốt hơn quyền trẻ em. Thực hiện tốt quyền và bổn phận của trẻ em.</p> <p>2. Về năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Nhận biết được các quyền trẻ em, tích cực tham gia thực hiện quyền trẻ em của bản thân thành những việc làm phù hợp lứa tuổi. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Biết vận dụng các quyền trẻ em để thực hiện các việc làm của bản thân một cách phù hợp để hoàn thiện bản thân mình.</p> |

| | | | |
|--|--|--|---|
| | | | <p>Năng lực tư duy: phê phán hành vi vi phạm quyền trẻ em 3. Về phẩm chất Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền trẻ em cơ bản của bản thân, tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện tốt quyền của trẻ em.</p> <p>Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm, tôn trọng lẽ phải, bảo vệ điều hay, lẽ phải công bằng trong nhận thức, ứng xử.</p> |
|--|--|--|---|

3.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ.

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
|------------------------|-----------|-----------|--|----------------|
| Học kì I | 45 phút | Tuần 9 | <p>1. Kiến thức Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học như: Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ, yêu thương con người, siêng năng kiên trì. Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh, từ đó GV có thể điều chỉnh kế hoạch dạy học và KTĐG cho phù hợp, đạt được mục tiêu GD.</p> <p>2. Năng lực Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập.</p> <p>3. Phẩm chất Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.</p> | Viết trên giấy |
| Cuối Học kì I | 45 phút | Tuần 18 | <p>1. Kiến thức Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học trong HK I về tôn trọng sự thật; tự lập; tự nhận thức bản thân và một số nội dung khác trong học kì I</p> <p>- Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và</p> | Viết trên giấy |

| | | | | |
|-----------------------|---------|---------|--|----------------|
| | | | <p>rèn luyện của học sinh, từ đó GV có thể điều chỉnh kế hoạch dạy học và KTĐG cho phù hợp, đạt được mục tiêu GD.</p> <p>2. Năng lực Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập.</p> <p>3. Phẩm chất Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.</p> | |
| Giữa Học kì II | 45 phút | Tuần 26 | <p>1. Kiến thức Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học như : Ứng phó với tình huống nguy hiểm; tiết kiệm. Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.</p> <p>2. Năng lực Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập.</p> <p>3. Phẩm chất Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.</p> | Viết trên giấy |

| | | | | |
|-----------------------|---------|---------|--|----------------|
| Cuối Học kì II | 45 phút | Tuần 35 | <p>1. Kiến thức Học sinh củng cố những kiến thức có bản về Công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa VN; quyền và nghĩa vụ cơ bản của CD; quyền cơ bản của trẻ em; thực hiện quyền trẻ em và một số bài khác trong chương trình học kì II, môn GDCD lớp 6.</p> <p>Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh, từ đó GV có thể điều chỉnh kế hoạch dạy học và KTĐG cho phù hợp, đạt được mục tiêu GD.</p> <p>2. Năng lực <i>Năng lực điều chỉnh hành vi:</i> Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi. <i>Năng lực phát triển bản thân:</i> Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập.</p> <p>3. Về phẩm chất <i>Trung thực:</i> Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp. <i>Trách nhiệm:</i> Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra.</p> | Viết trên giấy |
|-----------------------|---------|---------|--|----------------|

II. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 04; Số học sinh: 155

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 01; Trình độ đào tạo Đại học: 01;

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt:01

2. Thiết bị dạy học:

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|-----|---|----------|------------------------------|---------|
| 1 | Máy tính, máy chiếu | 03 | | |
| 2 | - Bảng phụ, - Video, tranh ảnh về bom mìn, phiếu học ... | 12 | | |
| 3 | Tranh ảnh | 05 | | |

| | | | | |
|---|----------|----|--|--|
| 4 | Bút dạ | 08 | | |
| 5 | Nam châm | 18 | | |

3. Kế Hoạch dạy học :

3.1. Phân phối chương trình

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|-----|----------------------------------|---------|--|
| 1 | Tự hào về truyền thống quê hương | 3 | <p>1. Về kiến thức Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.</p> <p>2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tham gia vào những hoạt động phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương.</p> <p>3. Về phẩm chất Có phẩm chất yêu nước, trách nhiệm, thể hiện qua niềm tự hào về truyền thống của quê hương; sống có trách nhiệm, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.</p> |
| | Quan tâm, cảm thông và chia sẻ | 2 | <p>1. Về kiến thức – Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. – Giải thích được vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau.</p> <p>2. Về năng lực Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. - Tránh xa bom mìn vật nổ, xử lí, ứng phó tình huống nguy hiểm liên quan đến BMVN.</p> <p>3. Về phẩm chất Có phẩm chất nhân ái, thể hiện qua việc biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người (đặc biệt là đối với những người bị ảnh hưởng, là nạn nhân của bom mìn); khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.</p> |

| | | | |
|---|---------------------------|---|---|
| 3 | Học tập tự giác, tích cực | 3 | <p>1. Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực. – Giải thích được vì sao phải học tập tự giác, tích cực. <p>2. Về năng lực</p> <p>Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực.</p> <p>3. Về phẩm chất</p> <p>Có phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, thể hiện qua việc tự giác, tích cực trong học tập; biết góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này.</p> |
| 4 | Giữ chữ tín | 2 | <p>1. Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín. – Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín. <p>2. Về năng lực</p> <p>Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, luôn giữ chữ tín với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.</p> <p>3. Về phẩm chất</p> <p>Có phẩm chất trung thực, thể hiện qua việc biết giữ chữ tín; phê phán những người không biết giữ chữ tín.</p> |
| 5 | Bảo tồn di sản văn hoá | 3 | <p>1. Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam. – Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội. – Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá. – Nêu được trách nhiệm của HS trong việc bảo tồn di sản văn hoá. – Nêu được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó. <p>2. Về năng lực</p> <p>Ngoài những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá.</p> <p>3. Về phẩm chất</p> |

| | | | |
|---|--------------------------------|---|--|
| | | | Có phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua việc biết bảo tồn di sản văn hoá; phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá. |
| 6 | Ứng phó với tâm lí căng thẳng | 3 | <p>1. Về kiến thức</p> <p>– Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng. – Kể được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng. – Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng. – Nêu được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng.</p> <p>2. Về năng lực</p> <p>Cùng những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hành được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng.</p> <p>3. Về phẩm chất</p> <p>Có phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua việc điều chỉnh tâm lí của bản thân để có đời sống tinh thần vui vẻ, thoải mái.</p> |
| 7 | Phòng, chống bạo lực học đường | 4 | <p>1. Về kiến thức</p> <p>– Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường.</p> <p>– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.</p> <p>– Nhận biết được cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường.</p> <p>2. Về năng lực</p> <p>Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức; sống tự chủ, không dễ bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.</p> <p>3. Về phẩm chất</p> <p>Có phẩm chất trung thực, trách nhiệm, thể hiện qua các hoạt động phòng, chống bạo lực học đường; phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường.</p> |
| 8 | Quản lí tiền | 3 | <p>1. Về kiến thức</p> <p>– Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả. – Kể được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả.</p> <p>2. Về năng lực</p> <p>Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội, bước đầu biết quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân.</p> <p>3. Về phẩm chất</p> <p>Có phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua việc biết quản lí tiền hiệu quả.</p> |

| | | | |
|----|---|---|---|
| 9 | Phòng, chống tệ nạn xã hội | 4 | <p>1. Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. – Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội. – Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. <p>2. Về năng lực</p> <p>Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức.</p> <p>3. Về phẩm chất</p> <p>Có phẩm chất trung thực, trách nhiệm, thể hiện qua việc biết phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.</p> |
| 10 | Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình | 4 | <p>1. Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình, quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình. – Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và người khác. <p>2. Về năng lực</p> <p>Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh, chị, em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể.</p> <p>3. Về phẩm chất</p> <p>Có phẩm chất nhân ái, trách nhiệm, thể hiện qua tình yêu thương và những việc làm thực hiện nghĩa vụ đối với những người thân trong gia đình.</p> |

3.2. Kiểm tra, đánh giá định kì

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
|------------------------|-----------|-----------|---|---------------------|
| Giữa Học kì I | 45 phút | Tuần 9 | Yêu cầu cần đạt của bài 1, 2, 3 | Viết- TN kết hợp TL |
| Cuối Học kì I | 45 phút | Tuần 18 | Yêu cầu cần đạt của bài 4, 5, 6 | Viết -TN kết hợp TL |
| Giữa Học kì II | 45 phút | Tuần 26 | Yêu cầu cần đạt của bài 7, 8. | Viết -TN kết hợp TL |
| Cuối Học kì II | 45 phút | Tuần 35 | Yêu cầu cần đạt của bài 9, 10 và một số bài khác trong chương trình GD CD lớp 7 | Viết- TN kết hợp TL |

III. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Tình hình học sinh.

- Số lớp: 03 lớp. Số học sinh: 103 học sinh.

1.2. Tình hình đội ngũ:

- Số giáo viên: 01; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 01 ;

+ Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 01;

2. Thiết bị dạy học:

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm, thực hành | Ghi chú |
|-----|---|----------|-------------------------------|---------|
| 1 | - Bộ tranh minh họa về các truyền thống tốt đẹp của quê hương - Bộ tranh về hình ảnh các di sản văn hóa, hình ảnh bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội | 2 2 | Theo chủ đề bài học | |
| 2 | - Máy chiếu, video về các tấm gương người tốt, việc tốt, các tấm gương thể hiện thái độ học tập tự giác tích cực để đạt hiệu quả cao | 3 | Theo chủ đề bài học | |

3. Kế hoạch dạy học

3.1. Phân phối chương trình

| STT | Chủ đề (1) | Số tiết (2) | Yêu cầu cần đạt (3) |
|-----|--|-------------|--|
| 1 | Bài 1: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam | 3 | 1) Về kiến thức - Nêu được một số truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Nhận biết được giá trị các truyền thống của dân tộc Việt Nam. - Kể được một số biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam. 2) Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về truyền thống dân tộc. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến truyền thống dân tộc. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện và đánh giá được những hành vi, việc làm của bản thân và những người xung quanh trong việc thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề trong đời sống xã hội liên quan đến niềm tự hào về truyền thống dân tộc; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về lòng tự hào truyền |

| | | | |
|---|---|---|--|
| | | | <p>thông dân tộc trong thực tiễn; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn về truyền thống dân tộc Việt Nam.</p> <p>3) Về phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động tìm hiểu truyền thống của dân tộc; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống dân tộc - Trách nhiệm: Sống có trách nhiệm thể hiện qua niềm tự hào về truyền thống và những giá trị quý báu của truyền thống dân tộc Việt Nam, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của dân tộc. |
| 2 | Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc | 3 | <p>1) Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số biểu hiện của sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới. - Hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các nền văn hoá trên thế giới. Thể hiện được bằng lời nói và việc làm thái độ tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. - Phê phán những hành vi kì thị, phân biệt chủng tộc <p>2) Về năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: <ul style="list-style-type: none"> + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về nền văn hóa các dân tộc. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến nền văn hóa các dân tộc trên thế giới. - Năng lực đặc thù: <ul style="list-style-type: none"> + Năng lực điều chỉnh hành vi: tích cực tìm hiểu để biết được những biểu hiện của sự đa dạng các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới, hiểu được ý nghĩa của việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu về sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn có liên quan đến việc tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc. <p>3) Về phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có phẩm chất nhân ái, biểu hiện ở cả lời nói và việc làm đó là luôn luôn tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới + Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở sự tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới. |
| 3 | Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo | 2 | <p>1) Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm cần cù, sáng tạo trong lao động và một số biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động. - Giải thích được ý nghĩa của cần cù, sáng tạo trong lao động. |

| | | | |
|---|-----------------------|---|---|
| | | | <p>- Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân</p> <p>2) Về năng lực</p> <p>- Năng lực chung:</p> <p>+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lao động cần cù, sáng tạo.</p> <p>+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.</p> <p>+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến lao động cần cù, sáng tạo.</p> <p>- Năng lực đặc thù:</p> <p>+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được sự cần cù, sáng tạo trong lao động của bản thân; Trân trọng những thành quả lao động, quý trọng và học hỏi những tấm gương cần cù, sáng tạo trong lao động; Phê phán những biểu hiện chây lười, thụ động trong lao động.</p> <p>+ Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động hằng ngày.</p> <p>+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến cần cù, sáng tạo trong lao động; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống phản ánh sự cần cù, sáng tạo trong lao động; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề liên quan đến thực hiện cần cù, sáng tạo trong lao động ở đời sống thực tế.</p> <p>3) Về phẩm chất</p> <p>- Chăm chỉ: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động lao động phù hợp với lứa tuổi.</p> <p>- Trách nhiệm: Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong lao động.</p> |
| 4 | Kiểm tra giữa kì I | 1 | <p>1) Về kiến thức</p> <p>- Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập.</p> <p>2) Về năng lực</p> <p>- Rèn luyện kỹ năng làm bài kiểm tra</p> <p>3) Về phẩm chất</p> <p>- Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra.</p> |
| 5 | Bài 4: Bảo vệ lễ phải | 2 | <p>1) Về kiến thức</p> <p>- Giải thích được một cách đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ lễ phải.</p> <p>- Thực hiện được việc bảo vệ lễ phải bằng lời nói và hành động cụ thể, phù hợp với lứa tuổi</p> <p>2) Về năng lực</p> <p>- Năng lực chung:</p> <p>+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ lễ phải.</p> <p>+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.</p> <p>+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến bảo vệ lễ phải.</p> <p>- Năng lực đặc thù:</p> |

| | | |
|---|---|--|
| | | <p>+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo vệ lẽ phải bằng lời nói và hành động cụ thể phù hợp với lứa tuổi; Khích lệ, động viên bạn bè có thái độ, hành vi bảo vệ lẽ phải, phê phán thái độ, hành vi không bảo vệ lẽ phải.</p> <p>+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về bảo vệ lẽ phải; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ lẽ phải trong đời sống thực tế; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết vấn đề bảo vệ lẽ phải trong một số tình huống cụ thể.</p> <p>3) Về phẩm chất</p> <p>- Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân; tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người;</p> <p>- Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống</p> |
| 6 | <p>Bài 5: Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên</p> | <p>3</p> <p>1) Về kiến thức</p> <p>- Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. (trong đó, có giải thích được một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và huỷ hoại tài nguyên là do bom mìn còn sót lại sau chiến tranh).</p> <p>– Nếu được một số quy định cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên; một số biện pháp cần thiết để bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.</p> <p>- Nếu được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên. (trong đó, tham gia tuyên truyền đến người dân địa phương các biện pháp phòng chống ô nhiễm và bảo vệ MT do bom mìn).</p> <p>2) Về năng lực</p> <p>- Năng lực chung:</p> <p>+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.</p> <p>+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.</p> <p>+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.</p> <p>- Năng lực đặc thù:</p> <p>+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi; Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ô nhiễm môi trường và phá hoại tài nguyên thiên nhiên. (như sử dụng vật nổ để đánh cá hoặc khai thác khoáng sản).</p> <p>+ Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc tham gia bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Lập và thực hiện được kế hoạch bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở địa phương.</p> <p>+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn</p> |

| | | | |
|---|----------------------------------|---|---|
| | | | <p>đề của đời sống xã hội về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong đời sống thực tế.</p> <p>3) Về phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chăm chỉ, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên phù hợp với lứa tuổi. - Có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. |
| 7 | Bài 6: Xác định mục tiêu cá nhân | 3 | <p>1) Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thế nào là mục tiêu cá nhân; các loại mục tiêu cá nhân. - Hiểu vì sao phải xác định mục tiêu cá nhân. - Nêu được cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. - Xây dựng được mục tiêu cá nhân của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó. <p>2) Về năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: <ul style="list-style-type: none"> + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. - Năng lực đặc thù: <ul style="list-style-type: none"> + Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết cách xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân; Xây dựng được mục tiêu của bản thân và kế hoạch hành động nhằm đạt mục tiêu đó. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về xác định mục tiêu cá nhân; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về xác định mục tiêu cá nhân; Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được một số vấn đề về xác định mục tiêu cá nhân trong đời sống thực tế. <p>3) Về phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi - Có trách nhiệm trong việc xác định mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện mục tiêu cá nhân. |
| 8 | Kiểm tra cuối kì I | 1 | <p>1) Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập. |

| | | | |
|----|-------------------------------------|---|---|
| | | | <p>2) Về năng lực - Rèn luyện kỹ năng làm bài kiểm tra</p> <p>3) Về phẩm chất - Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra.</p> |
| 9 | Bài 7: Phòng chống bạo lực gia đình | 4 | <p>1) Về kiến thức - Kể được các hình thức bạo lực gia đình phổ biến; - Phân tích được tác hại của hành vi bạo lực gia đình đối với cá nhân, gia đình và xã hội; Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; Biết cách phòng, chống bạo lực gia đình;</p> <p>2) Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng chống bạo lực gia đình. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng chống bạo lực gia đình. - Năng lực đặc thù: + Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích đánh giá được một số hiện tượng bạo lực gia đình trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trong thực tiễn. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động để phòng, chống bạo lực gia đình</p> <p>3) Về phẩm chất Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của người khác; không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực gia đình Trách nhiệm: Trung thực, trách nhiệm, dũng cảm đấu tranh phòng, chống các hành vi bạo lực trong gia đình và cộng đồng.</p> |
| 10 | Bài 8: Lập kế hoạch chi tiêu | 3 | <p>1) Về kiến thức - Nhận biết được sự cần thiết phải lập kế hoạch chi tiêu; - Nêu được cách lập kế hoạch chi tiêu; - Tự điều chỉnh, tạo được thói quen chi tiêu hợp lý.</p> <p>2) Về năng lực - Năng lực chung: + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về lập kế hoạch chi tiêu. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến lập kế hoạch chi tiêu. - Năng lực đặc thù: + Năng lực phát triển bản thân: Lập được kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn; Thực hiện</p> |

| | | | |
|----|---|---|--|
| | | | <p>được kế hoạch chi tiêu đã đề ra.</p> <p>+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về lập kế hoạch chi tiêu; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về lập kế hoạch chi tiêu; Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn cuộc sống về lập kế hoạch chi tiêu.</p> <p>3) Về phẩm chất</p> <p>- Trách nhiệm: Có trách nhiệm khi lập và thực hiện kế hoạch chi tiêu.</p> <p>- Chăm chỉ: Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch chi tiêu hợp lí.</p> |
| 11 | Kiểm tra giữa kì II | 1 | <p>1) Về kiến thức</p> <p>- Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập.</p> <p>2) Về năng lực</p> <p>- Rèn luyện kĩ năng làm bài kiểm tra</p> <p>3) Về phẩm chất</p> <p>- Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra.</p> |
| 12 | Bài 9: Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại | 4 | <p>1) Về kiến thức</p> <p>- Kể được tên một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại; nhận diện được một số nguy cơ dẫn đến tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.</p> <p>- Nêu được đặc điểm của bom mìn, vật nổ và dấu hiệu nhận biết khu vực có bom mìn, vật nổ .</p> <p>- Trình bày được hậu quả của tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại.</p> <p>- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.</p> <p>2) Về năng lực</p> <p>- Năng lực chung:</p> <p>+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại.</p> <p>+ Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công.</p> <p>+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại, bom mìn</p> <p>- Năng lực đặc thù:</p> <p>+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Có thói quen tự bảo vệ bản thân, tuyên truyền vận động mọi người cùng nâng cao cảnh giác đề phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. bom mìn</p> <p>+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số tai nạn vũ khí, cháy, nổ và chất độc hại trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại trong đời sống thực tiễn. Từ đó hs rèn luyện kỹ năng từ chối khi gặp những tình huống nguy hiểm liên quan đến bom mìn vật nổ.</p> |

| | | | |
|----|---|---|---|
| | | | <p>3) Về phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm trong phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại. - Nhân ái: Trân trọng danh dự, sức khỏe của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi sử dụng vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người khác |
| 13 | Bài 10: Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân | 4 | <p>1) Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được tầm quan trọng của lao động đối với đời sống con người. - Nêu được một số quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân và lao động - Nêu được một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động, lập được hợp đồng lao động có nội dung đơn giản giữa người sử dụng lao động của người lao động. <p>2) Về năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: <ul style="list-style-type: none"> + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền, nghĩa vụ lao động của công dân. + Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền, nghĩa vụ lao động của công dân. - Năng lực đặc thù: <ul style="list-style-type: none"> + Năng lực phát triển bản thân: Tự đánh giá được thái độ, hành vi lao động của bản thân trong đời sống thực tế; Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch khắc phục, cải thiện những điểm chưa tốt, chưa phù hợp trong lao động của bản thân. + Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số hiện tượng về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống trong thực tiễn có liên quan đến quyền và nghĩa vụ lao động của công dân. <p>3) Về phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia lao động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng phù hợp với lứa tuổi - Trách nhiệm: Thực hiện tốt mọi quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân, lao động chưa thành niên, quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên tham gia hợp đồng lao động. |
| 14 | Kiểm tra cuối kì 2 | 1 | <p>1) Về kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập. <p>2) Về năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện kỹ năng làm bài kiểm tra <p>3) Về phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra. |

3.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian (1) | Thời điểm (2) | Yêu cầu cần đạt (3) | Hình thức (4) |
|---------------------------|----------------|----------------|--|---|
| Kiểm tra giữa kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | <p>1) Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. <p>2) Năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: <ul style="list-style-type: none"> + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế. - Năng lực đặc thù: <ul style="list-style-type: none"> + Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi + Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập <p>3) Về phẩm chất:</p> <p>Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp</p> <p>Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra</p> | <p>Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả (Viết trên giấy)</p> |
| Kiểm tra cuối kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | <p>1) Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của | <p>Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả</p> |

| | | | | |
|---------------------------|----------------|----------------|---|---|
| | | | <p>học sinh.</p> <p>2) Năng lực:- Năng lực chung:</p> <p>+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học.</p> <p>+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.</p> <p>- Năng lực đặc thù:</p> <p>+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi</p> <p>+ Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập</p> <p>c) Về phẩm chất:</p> <p>Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp</p> <p>Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra</p> | (Viết trên giấy) |
| Kiểm tra giữa kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | <p>1) Kiến thức</p> <p>- Học sinh củng cố những kiến thức cơ bản đã được học</p> <p>- Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống.</p> <p>- Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh.</p> <p>2) Năng lực:- Năng lực chung:</p> <p>+ Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học.</p> <p>+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế.</p> <p>- Năng lực đặc thù:</p> <p>+ Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với</p> | Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả (Viết trên giấy) |

| | | | | |
|---------------------------|----------------|----------------|--|---|
| | | | <p>lứa tuổi</p> <p>+Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập</p> <p>3) Về phẩm chất:</p> <p>Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp</p> <p>Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra</p> | |
| Kiểm tra cuối kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | <p>1) Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh củng cố những kiến thức có bản đã được học - Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống. - Là cơ sở để giáo viên đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh. <p>2) Về phẩm chất:</p> <p>Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm; nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân trong quá trình học tập để điều chỉnh cho phù hợp</p> <p>Trách nhiệm: Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra</p> <p>3) Năng lực - Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về các nội dung đã học. + Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thuế. - Năng lực đặc thù: <ul style="list-style-type: none"> + Năng lực điều chỉnh hành vi: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống, hình thành thói quen suy nghĩ và hành động phù hợp với lứa tuổi +Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức đánh giá bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm có những điều chỉnh phù hợp cho quá trình học tập | <p>Tự luận kết hợp trắc nghiệm theo ma trận và đặc tả (Viết trên giấy)</p> |

IV. GIÁO DỤC ĐÔNG DÂN 9

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 03; Số học sinh: 95

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:01; Trình độ đào tạo: Cao đẳng:01
Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt:01

2. Thiết bị dạy học:

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|-----|---|----------|--|---------|
| 1 | - Tranh ảnh, video bài hát Tự nguyện. - Clip,... về chủ đề Sống có lí tưởng. - Máy tính, máy chiếu | 2 | Bài 1: Sống có lí tưởng | |
| | | 1 | | |
| 2 | - Clip “Hãy trồng một bông hoa khoan dung trong trái tim thù hận”; - Phiếu học tập, máy tính, máy chiếu, bảng phụ,. | 1 | Bài 2: Khoan dung | |
| | | 1 | | |
| 3 | - Một số tranh ảnh, thông tin, khẩu hiệu, câu chuyện, tình huống,... có nội dung liên quan đến bài học. Máy tính, máy chiếu. | 2 | Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng | |
| | | 1 | | |
| 4 | - Video câu chuyện về khách quan, công bằng. - Phiếu học tập, bảng phụ,... - Máy tính, máy chiếu | 1 | Bài 4: Khách quan và công bằng | |
| | | 4 | | |
| | | 1 | | |
| 5 | - Clip bài hát cho hoạt động mở đầu. - Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện, thông tin về bảo vệ hoà bình. - Máy tính, máy chiếu, bài giảng số hoá,... | 1 | Bài 5: Bảo vệ hoà bình | |
| | | 1 | | |
| | | 1 | | |
| 6 | - Video câu chuyện, tấm gương, những ví dụ thực tế gắn với nội dung bài học. - Máy tính, máy chiếu. | 1 | Bài 6: Quản lí thời gian hiệu quả | |
| | | 1 | | |
| 7 | - Phiếu học tập. Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về chủ đề; tranh về thích ứng thay đổi - Máy tính, máy chiếu. | 6 | Bài 7: Thích ứng với thay đổi | |
| | | 1 | | |
| | | 1 | | |
| 8 | - phiếu học tập. - Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về tiêu dùng thông minh. - Máy tính, máy chiếu. | 6 | Bài 8: Tiêu dùng thông minh | |
| | | 1 | | |
| | | 1 | | |

| | | | |
|-----------|--|-------------|---|
| | - Phiếu học tập. - Tranh/ảnh, clip và các mẫu chuyện về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Máy tính, máy chiếu. | 6 1 1 | Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí |
| 10 | - Phiếu học tập. - Clip có liên quan đến nội dung bài học. - Máy tính, máy chiếu. | 1 1 1 | Bài 10: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế |

3. Kế hoạch dạy học

3.1. Phân phối chương trình

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|----------|-------------------------|---------|---|
| 1 | Bài 1: Sống có lí tưởng | 3 | <p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm sống có lí tưởng. - Giải thích được ý nghĩa của việc sống có lí tưởng. - Nhận biết được lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam. <p>2. Năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản giúp mỗi cá nhân biết sống có lí tưởng. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các lý tưởng cao đẹp của bản thân. - Năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân: Xác định được lí tưởng sống của bản thân và nỗ lực học tập, rèn luyện theo lí tưởng. <p>3. Phẩm chất</p> <p>Yêu nước: Tích cực học tập, lao động, rèn luyện sức khỏe, tham gia các hoạt động tập thể, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, dân tộc.</p> |
| 2 | Bài 2: Khoan dung | 2 | <p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm khoan dung và biểu hiện của khoan dung. - Nhận biết được giá trị của khoan dung. <p>2. Năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khoan dung. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến khoan dung. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được những việc làm thể hiện sự khoan dung trong những tình huống cụ thể, phù hợp với lứa tuổi. Phê phán các biểu hiện thiếu khoan dung. <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân ái: Có lòng khoan dung, độ lượng, vị tha trong cuộc sống. - Có phẩm chất trách nhiệm thể hiện ở sự khoan dung, tha thứ với những sai lầm của người khác để cùng nhau sống tốt đẹp hơn. |

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|-----|--|---------|---|
| 3 | Bài 3: Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng | 3 | <p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thế nào là hoạt động cộng đồng, nêu được một số hoạt động cộng đồng - Giải thích được sự cần thiết phải tham gia các hoạt động cộng đồng - Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc tham gia vào các hoạt động cộng đồng. <p>2. Năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công khi tham gia vào hoạt động cộng đồng. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan khi tham gia vào hoạt động cộng đồng. - Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân. Tham gia tích cực, tự giác các hoạt động chung của cộng đồng phù hợp với lứa tuổi do lớp, trường, địa phương tổ chức. <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân ái và trách nhiệm trong việc tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng - Chăm chỉ: Tích cực, tự giác tham gia các hoạt động cộng đồng phù hợp với lứa tuổi. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm, trung thực và không ngừng sáng tạo trong việc tham gia các hoạt động cộng đồng. |
| 4 | Bài 4: Khách quan và công bằng | 2 | <p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được những biểu hiện khách quan, công bằng. - Hiểu được ý nghĩa của khách quan, công bằng, tác hại của sự thiếu khách quan, công bằng. <p>2. Năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về khách quan, công bằng. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến khách quan, công bằng. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Thể hiện được thái độ khách quan, công bằng trong cuộc sống hằng ngày - Phê phán những biểu hiện không khách quan, công bằng. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội về khách quan và công bằng; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, tình huống về khách quan và công bằng trong đời sống thực tế; <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung thực: Có thái độ và hành động khách quan, công bằng trong cuộc sống. - Trách nhiệm: Có trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình trong học tập và trong cuộc sống |
| | Bài 5: Bảo vệ hoà bình | 3 | <p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được thế nào là hoà bình và bảo vệ hoà bình; các biểu hiện của hoà bình. - Giải thích được vì sao cần phải bảo vệ hoà bình. - Nhận ra được những biện pháp để thúc đẩy và bảo vệ hoà bình. |

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|-----|-----------------------------------|---------|---|
| 5 | | | <p>2. Năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về bảo vệ hoà bình. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận biết được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình; Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân lựa chọn và tham gia những hoạt động phù hợp để bảo vệ hoà bình; phê phán xung đột sắc tộc và chiến tranh phi nghĩa. <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu nước, nhân ái và trách nhiệm trong việc bảo vệ hoà bình. - Chăm chỉ, tích cực, tự giác tham gia các hoạt động việc bảo vệ hoà bình phù hợp với lứa tuổi. - Có trách nhiệm trong việc việc bảo vệ hoà bình. |
| 6 | Bài 6: Quản lý thời gian hiệu quả | 3 | <p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được thế nào là quản lý thời gian hiệu quả. - Nhận biết được sự cần thiết phải quản lý thời gian hiệu quả. - Nêu được cách quản lý thời gian hiệu quả. <p>2. Năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quản lý thời gian hiệu quả. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến việc quản lý thời gian hiệu quả - Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong quản lý thời gian hiệu quả - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Nhận biết được một số hiện tượng, vấn đề của đời sống xã hội về quản lý thời gian hiệu quả; Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin, tìm hiểu một số hiện tượng, tình huống về quản lý thời gian cá nhân - Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận thức được những ưu tiên trong cuộc sống, những việc cần làm và những việc muốn làm để có thể sắp xếp thời gian và công việc một cách hợp lý. Thiết lập được thời gian biểu phù hợp để thực hiện được các mục tiêu cá nhân. <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm trong việc quản lý thời gian để đạt hiệu quả trong học tập, công việc và cuộc sống. - Chăm chỉ, luôn vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập, lao động và các hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi - Có trách nhiệm trong việc xác định quản lý thời gian cá nhân |
| | | | <p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số thay đổi có khả năng xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình. - Nhận biết được ý nghĩa của việc thích ứng trước những thay đổi trong cuộc sống. |

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|-----|-------------------------------------|---------|---|
| 7 | Bài 7: Thích ứng với thay đổi | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các biện pháp để thích ứng với thay đổi trong cuộc sống. <p>2. Năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về thích ứng với thay đổi. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến thích ứng với thay đổi. - Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích đánh giá được một số thích ứng với thay đổi trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý tình huống, tham gia các hoạt động thích ứng với thay đổi bản thân trong thực tiễn. <p>+ Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Chủ động tích cực tham gia vào các hoạt động thích ứng với thay đổi</p> <p>Năng lực điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân: Nhận biết và điều chỉnh để thích ứng được với một số thay đổi (nếu có) trong cuộc sống của bản thân.</p> <p>3. Phẩm chất</p> <p>Trách nhiệm: Có trách nhiệm với cuộc sống của bản thân và những người xung quanh, hỗ trợ người gặp khó khăn trước những thay đổi trong hoàn cảnh sống.</p> <p>Nhân ái: Trân trọng những giá trị hiện tại, tích cực chủ động tìm hiểu để điều chỉnh hành vi cho phù hợp.</p> |
| 8 | Bài 8: Tiêu dùng thông minh | 4 | <p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh; lợi ích của tiêu dùng thông minh. - Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết được những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...). <p>2. Năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về tiêu dùng thông minh. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến tiêu dùng thông minh. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Đánh giá được hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. - Năng lực phát triển bản thân: Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, học hỏi những hành vi tiêu dùng thông minh trong đời sống xã hội; khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh. <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện tiêu dùng thông minh và giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh. |

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|-----|---|---------|---|
| | | | - Chăm chỉ: Giúp đỡ bạn bè, người thân lập kế hoạch tiêu dùng thông minh. |
| 9 | Bài 9: Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. | 4 | <p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí <p>2. Năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí. - Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Tìm hiểu, phân tích được một số vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong thực tiễn cuộc sống; Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí tình huống vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong đời sống thực tiễn. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể; nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. <p>3. Phẩm chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trách nhiệm: Có thái độ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, có ý thức tích cực trong việc ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. - Nhân ái: Tôn trọng danh dự, sức khỏe của mình và người khác; không đồng tình với các hành vi vi phạm pháp luật |
| 10 | Bài 10: Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế | 4 | <p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Nhận biết được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. <p>2. Năng lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự chủ và tự học để có những kiến thức cơ bản về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.. - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm để thực hiện các nhiệm vụ được phân công. - Giải quyết vấn đề và sáng tạo ở những tình huống liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế.. - Năng lực điều chỉnh hành vi: Phân tích, đánh giá được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật về quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. - Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. |

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|-----|---------|---------|--|
| | | | 3. Phẩm chất - Chăm chỉ: Tích cực, chủ động tham gia tìm hiểu các hoạt động liên quan đến quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế phù hợp với lứa tuổi - Trách nhiệm: trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế, tích cực vận động gia đình, người thân thực hiện tốt quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế. |

3.2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
|------------------------|-----------|-----------|--|-----------------------------|
| Kiểm tra giữa kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | Yêu cầu cần đạt của bài 1, 2, 3 | Trắc nghiệm kết hợp tự luận |
| Kiểm tra cuối kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | Yêu cầu cần đạt của bài 1, 2, 3, 4, 5, 6 | Trắc nghiệm kết hợp tự luận |
| Kiểm tra giữa kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | Yêu cầu cần đạt của bài 7, 8. | Trắc nghiệm kết hợp tự luận |
| Kiểm tra cuối kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | Yêu cầu cần đạt của bài 7, 8, 9, 10 | Trắc nghiệm kết hợp tự luận |

C. MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ

I. LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 6

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 03 ; Số học sinh: ; 129

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 02; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 02

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên⁴: Tốt: 02;

2. Thiết bị dạy học:

2.1. PHẦN LỊCH SỬ

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|-----|---|-------------|--|---------|
| 1 | - Máy tính, ti vi - Tranh ảnh về một số hiện vật lịch sử cổ - trung đại | 1 4 | Bài 1. Lịch sử và cuộc sống | |
| 2 | - Máy tính, ti vi - Tranh ảnh về một số hiện vật lịch sử cổ - trung đại - Phim khai quật di tích hoàng thành Thăng Long | 1 3 1 | Bài 2. Dựa vào đâu để biết và phục dựng lịch sử | |
| 3 | - Máy tính, ti vi - Tờ lịch treo tường | 1 1 | Bài 3. Thời gian trong lịch sử | |
| | - Máy tính, ti vi - Lược đồ dấu tích khảo cổ trên đất nước Việt Nam và khu vực | 1 | Bài 4. Nguồn gốc loài người | |

⁴ Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

| | | | | |
|----|---|-------------|---|--|
| 4 | ĐNA - Tranh các hiện vật khảo cổ học - Phim về các hiện vật khảo cổ học tiêu biểu | 1 1 1 | | |
| 5 | - Máy tính, ti vi - Phim mô phỏng đời sống xã hội nguyên thủy | 1 1 | Bài 5: Xã hội nguyên thủy | |
| 6 | - Máy tính, ti vi - Tranh về gia đình phụ hệ. Công cụ và vũ khí bằng đồng | 1 4 | Bài 6: Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy | |
| 7 | - Máy tính, ti vi - Lược đồ Ai cập, Lưỡng Hà cổ đại | 1 1 | Bài 7: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại | |
| 8 | - Máy tính, ti vi - Lược đồ Ấn độ cổ đại | 1 1 | Bài 8: Ấn Độ cổ đại | |
| 9 | - Máy tính, ti vi - Lược đồ Trung Quốc cổ đại | 1 1 | Bài 9: Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII | |
| 10 | - Máy tính, ti vi - Lược đồ Hy Lạp và La Mã cổ đại | 1 1 | Bài 10: Hy Lạp và La Mã cổ đại | |
| 11 | - Máy tính, ti vi - Lược đồ Đông Nam Á cổ đại | 1 1 | Bài 11: Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á | |
| 12 | - Máy tính, ti vi - Lược đồ Đông Nam Á khoảng thế kỉ VII - Lược đồ Đông Nam Á thế kỉ X | 1 1 1 | Bài 12: Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (từ thế kỉ VII đến thế kỉ X) | |
| 13 | - Máy tính, ti vi - Lược đồ thể hiện hoạt động thương mại trên biển Đông - Video về ngôi đền nổi tiếng Barabodur | 1 1 1 | Bài 13: Giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu công nguyên đến thế kỉ X | |
| 14 | - Máy tính, ti vi - Lược đồ thể hiện nước Văn Lang Âu Lạc - Video về đời sống xã hội và phong tục của người văn Lang Âu Lạc | 1 1 1 | Bài 14: Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc | |

| | | | |
|----|---|-------------|---|
| 15 | - Máy tính, ti vi - Lược đồ Việt Nam dưới thời Bắc thuộc | 1 1 | Bài 15: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc |
| 16 | - Máy tính, ti vi - Video tóm tắt các cuộc khởi nghĩa. - Lược đồ khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Mai Thúc Loan, | 1 1 2 | Bài 16: Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X |
| 17 | - Máy tính, ti vi - Video giới thiệu về một số di tích lịch sử Việt Nam | 1 1 | Bài 17: Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của người Việt |
| 18 | - Máy tính, ti vi - Video tóm tắt về cuộc vận động tự chủ và chiến thắng Bạch Đằng 938 | 1 1 | Bài 18: Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X |
| 19 | - Máy tính, ti vi - Lược đồ Cham Pa từ thế kỉ I TCN đến thế kỉ XV - Video về Vương quốc Chăm-pa | 1 1 1 | Bài 19: Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X (3 tiết) |
| 20 | - Máy tính, ti vi - Bản đồ Phù Nam từ thế kỉ I TCN đến thế kỉ XV | 1 1 | Bài 20: Vương quốc Phù Nam |

2.2. PHẦN ĐỊA LÍ

| TT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|----|--|----------|---|---------|
| 1 | Quả Địa Cầu. | 2 | - Bài 1. Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí. - Bài 2. Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. Phương hướng trên bản đồ. - Bài 6. Trái Đất trong hệ Mặt Trời. - Bài 7. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả. | |
| 2 | Bản đồ giáo khoa treo tường có cả tỉ lệ số và tỉ lệ thước. | 2 | Bài 3. Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa và tỉ lệ bản đồ. | |
| 3 | Bản đồ hành chính Việt Nam. | 2 | Bài 4. Kí hiệu và bảng chú giải trên bản đồ. | |

| | | | | |
|----|---|---|--|--|
| 4 | Mô hình hệ Mặt Trời. | 2 | Bài 6. Trái Đất trong hệ Mặt Trời. | |
| 5 | Mô hình Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời. | 2 | Bài 8. Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả. | |
| 6 | Sơ đồ cấu trúc bên trong của Trái Đất. | 2 | Bài 10. Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo. | |
| 7 | Tranh ảnh về động đất, núi lửa. | 2 | Bài 12. Núi lửa và động đất. | |
| 9 | Bản đồ Tự nhiên thế giới. Hộp mẫu khoáng sản. | 2 | Bài 13. Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản. Bài 21. Biển và đại dương. | |
| 10 | Sơ đồ các tầng khí quyển. Sơ đồ các đại khí áp và gió trên Trái Đất. Khí áp kế. | 2 | Bài 15. Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió. | |
| 11 | Nhiệt kế. Bản đồ phân bố lượng mưa trên Trái Đất. | 2 | Bài 16. Nhiệt độ không khí. Mây và mưa. | |

3. Kế hoạch dạy học:

3.1. Phân phối chương trình phần Lịch sử

| TT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|----|--|---------|---|
| 1 | Bài 1. Lịch sử và cuộc sống. | 1 | <ul style="list-style-type: none"> Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử. Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ. Giải thích được vì sao cần thiết phải học môn Lịch sử. |
| 2 | Bài 2. Dựa vào đâu để biết và phục dựng lịch sử (1t) | 1 | <ul style="list-style-type: none"> Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản, ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu (tư liệu gốc, truyền miệng, hiện vật, chữ viết,...). |
| 3 | Bài 3. Thời gian trong lịch sử | 1 | <ul style="list-style-type: none"> Biết được một số khái niệm và cách tính thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,... |
| 4 | Bài 4: Nguồn gốc loài người | 2 | <ul style="list-style-type: none"> Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất. Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á. – Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam. |
| | | 2 | <ul style="list-style-type: none"> Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thủy. Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thủy (vật chất, tinh thần, |

| | | | |
|----|---|---|--|
| 5 | <i>Bài 5: Xã hội nguyên thủy</i> | | <p>tổ chức xã hội,...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người. - Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam. |
| 6 | Ôn tập giữa kì 1 | 1 | Ôn lại các kiến thức đã học |
| 7 | Kiểm tra cuối kì 1 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập. - Giúp học sinh nắm lại một số kiến thức đã học. - Rèn luyện kĩ năng làm bài kiểm tra LS - Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra. |
| 8 | <i>Bài 6: Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy</i> | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp. - Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp. - Giải thích được vì sao xã hội nguyên thủy tan rã. - Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy. - Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp. - Mô tả và giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông. Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đông Đậu – Gò Mun). |
| 9 | <i>Bài 7: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại</i> | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà. - Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà. - Kể được tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà. |
| 10 | <i>Bài 8: Ấn Độ cổ đại</i> | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng. - Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ. - Nhận biết được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ. |
| 11 | <i>Bài 9: Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII</i> | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại. - Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng. - Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy. - Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc. |
| 12 | <i>Bài 10: Hy Lạp và La Mã cổ đại</i> | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu và nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã. - Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã. |

| | | | |
|----|---|----------|--|
| | | | - Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã |
| 13 | <i>Bài 11:</i> Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á | 2 | - Trình bày sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á. - Trình bày được quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến TK VII. |
| 14 | <i>Bài 12:</i> Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (từ thế kỉ VII đến thế kỉ X) | 2 | - Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á. |
| 15 | <i>Bài 13:</i> Giao lưu văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu công nguyên đến thế kỉ X | 2 | Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X. |
| 16 | Ôn tập cuối kì I | 1 | Ôn lại các kiến thức đã học |
| 17 | Kiểm tra cuối kì I | 1 | - Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập. - Giúp học sinh nắm lại một số kiến thức đã học. - Rèn luyện kĩ năng làm bài kiểm tra LS - Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra. |
| 18 | <i>Bài 14:</i> Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc | 3 | - Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ. - Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc. - Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc. |
| 19 | <i>Bài 15:</i> Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc. | 3 | - Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc. - Nhận biết được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hoá ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. |
| 20 | <i>Bài 16:</i> Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X (5t) | 5 | - Lập được biểu đồ, sơ đồ và trình bày được những nét chính; giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...). |
| 21 | <i>Bài 17:</i> Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của | 3 | Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc. |

| | | | |
|----|---|---|--|
| | người Việt | | |
| 22 | Ôn tập giữa kì 2 | 1 | Hệ thống lại kiến thức đã học |
| 23 | Kiểm tra giữa kì 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập. - Giúp học sinh nắm lại một số kiến thức đã học. - Rèn luyện kỹ năng làm bài kiểm tra LS - Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra. |
| 24 | <i>Bài 18:</i> Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương. - Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. |
| 25 | <i>Bài 19:</i> Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938. - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Champa. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa. - Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Champa. |
| 26 | <i>Bài 20:</i> Vương quốc Phù Nam | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam. - Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam. Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam. |
| 27 | Ôn tập | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kiến thức lịch sử của nước ta thế kỉ X - Nắm được kiến thức về các nước láng giềng ĐNA |
| 28 | Kiểm tra cuối kì 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập. - Giúp học sinh nắm lại một số kiến thức đã học. - Rèn luyện kỹ năng làm bài kiểm tra LS - Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra. |

3.2. Phân phối chương trình phần Địa lý 6:

HỌC KÌ I

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt | Ghi chú |
|---|---|---------|---|---------|
| 1 | Bài mở đầu | 01 | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học tập môn Địa lí. - Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống. - Yêu thích môn học, thích tìm hiểu các sự vật, hiện tượng địa lí. | |
| Chương 1: Bản đồ-phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất | | | | |
| 2 | Bài 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí | 01 | <ul style="list-style-type: none"> - Biết được thế nào là kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc (Xích đạo), các bán cầu, tọa độ địa lí. - Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, Xích đạo, | |

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt | Ghi chú |
|---|--|---------|---|---------|
| | | | các bán cầu. Ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. | |
| 3 | Bài 2: Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. Phương hướng trên bản đồ | 01 | - Nêu được khái niệm bản đồ. - Xác định được phương hướng trên bản đồ. | |
| 4 | Bài 3: Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ | 01 | - Biết được tỉ lệ bản đồ. - Tính được khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. | |
| 5 | Bài 4: Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ | 02 | - Đọc được các kí hiệu và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. - Biết đọc bản đồ, xác định vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ. - Biết tìm đường đi trên bản đồ. | |
| 6 | Bài 5: Lược đồ trí nhớ | 01 | - Biết được thế nào là lược đồ trí nhớ. - Biết tìm đường đi trên bản đồ. - Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh. | |
| Chương 2: Trái Đất - Hành tinh của hệ Mặt Trời | | | | |
| 7 | Bài 6: Trái Đất trong hệ Mặt Trời | 01 | - Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. - Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất. | |
| 8 | Bài 7: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả | 02 | - Mô tả được sự chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất. - Trình bày được các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất: ngày đêm luân phiên nhau, giờ trên Trái Đất (giờ địa phương/giờ khu vực), sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến. - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. | |
| 9 | Bài 8: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả | 02 | - Biết sử dụng sơ đồ để mô tả chuyển động của Trái đất quanh Mặt Trời. - Trình bày được hiện tượng mùa và ngày đêm dài ngắn theo mùa. | |
| 10 | Bài 9: Xác định phương hướng ngoài thực tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên. | 01 | - Xác định được phương hướng ngoài thực tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên. | |
| Chương 3: Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất | | | | |

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt | Ghi chú |
|-----|--|---------|---|--|
| 11 | Bài 10: Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo | 01 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm 3 lớp. - Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của 2 mảng xô vào nhau. | |
| 12 | Bài 11: Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi | 01 | <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh. - Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi. | |
| 13 | Bài 12: Núi lửa và động đất | 01 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân của hiện tượng này. - Biết cách ứng phó khi có núi lửa và động đất. - Biết tìm kiếm thông tin về các thảm họa thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra. | |
| 14 | Ôn tập giữa Học kì I | 01 | - Ôn tập kiến thức, kỹ năng từ bài 01 đến bài 12 | |
| 15 | Kiểm tra giữa Học kì I | 01 | - Kiểm tra kiến thức, kỹ năng từ bài 1 đến 12 (50% số điểm đề Lịch sử và Địa Lí) | 08 câu trắc nghiệm mức độ biết (02đ), 03 câu tự luận ở 03 mức độ hiểu (1,5đ), vận dụng (1,0đ) và vận dụng cao (0,5đ) |
| 16 | Bài 13: Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản(tt) | 02 | <ul style="list-style-type: none"> - Kể được tên một số loại khoáng sản. - Có ý thức bảo vệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản. - Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất. - Kể được tên một số loại khoáng sản. - Có ý thức bảo vệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản. | |
| | Chương 4: Khí hậu và biến đổi khí hậu | | | |
| 18 | Bài 14: Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản | 01 | Biết đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. | |

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt | Ghi chú |
|-----|---|---------|---|--|
| 19 | Bài 15: Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió | 02 | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí cac-bo-nic trong khí quyển. - Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu. - Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí. - Có ý thức bảo vệ bầu khí quyển và lớp ô-dôn. - Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. - Biết cách sử dụng khí áp kế. | |
| 20 | Bài 16: Nhiệt độ không khí. Mây và mưa. | 02 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. - Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa. - Biết cách sử dụng nhiệt kế. - Biết cách sử dụng ẩm kế. | |
| 21 | Ôn tập cuối Học kì I | 01 | - Ôn tập từ bài 13 đến bài 16. (10% kiến thức của các bài đã kiểm tra giữa HKI) | |
| 22 | Kiểm tra cuối Học kì I | 01 | - Kiểm tra kiến thức và kỹ năng từ bài 13 đến 16, thêm 10% kiến thức các bài đã kiểm tra giữa HKI (50% số điểm đề Lịch sử và Địa Lí) | 08 câu trắc nghiệm mức độ biết (02đ), 03 câu tự luận ở 03 mức độ hiểu (1,5đ), vận dụng (1,0đ) và vận dụng cao (0,5đ) |
| 23 | Bài 17: Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu | 02 | <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được thời tiết và khí hậu. - Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu trên Trái Đất. - Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu. - Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. | |
| 24 | <i>Bài 18: Thực hành: Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa</i> | 01 | <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa. - Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới. | |

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt | Ghi chú |
|--|--|---------|--|---|
| Chương 5: Nước trên trái đất | | | | |
| 25 | Bài 19: Thủy quyển và vòng tuần hoàn lớn của nước. | 01 | <ul style="list-style-type: none"> - Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển. - Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước. - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên nước. | |
| 26 | Bài 20: Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà | 02 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn; mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông. - Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ. - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ nước sông hồ. - Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà. - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ nước ngầm và băng hà. | |
| 27 | Ôn tập giữa Học kì II | 01 | - Ôn tập kiến thức, kĩ năng từ bài 17 đến 20. | |
| 28 | Kiểm tra giữa Học kì II | 01 | .- Kiểm tra kiến thức, kĩ năng từ bài 17 đến 20. (50% số điểm đề Lịch sử và Địa Lí) | 08 câu trắc nghiệm mức độ biết (2đ), 03 câu tự luận ở 03 mức độ hiểu (1,5đ), vận dụng (1,0đ) và vận dụng cao (0,5đ) |
| 29 | Bài 21: Biển và đại dương | 02 | <p>Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới. - Trình bày được các hiện tượng sóng, thủy triều, dòng biển | |
| Chương 6: Đất và sinh vật trên trái đất | | | | |
| 30 | Bài 22: Lớp đất trên Trái Đất | 02 | <p>Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.</p> <p>Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.</p> <p>Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ đất. | |

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt | Ghi chú |
|----------|--|---------|---|---------|
| 31 | Bài 23: Sự sống trên Trái Đất | 01 | - Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương. - Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ sự đa dạng của sinh vật trên Trái Đất. | |
| 32 | Bài 24: Rừng nhiệt đới | 01 | Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới. - Có ý thức bảo vệ rừng. | |
| 33 | Bài 25: Sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất | 01 | Nêu được đặc điểm của các đới thiên nhiên trên thế giới. Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới. | |
| 34 | Bài 26: Thực hành: Tìm hiểu môi trường tự nhiên địa phương | 02 | - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. - Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên. | |
| | Chương 7: Con người và thiên nhiên | | | |
| 35 | Bài 27: Dân số và sự phân bố dân cư trên thế giới | 02 | Biết được số dân trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới. Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới. | |
| 36 | Bài 28: Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên | 02 | Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất. - Yêu thiên nhiên, thấy được trách nhiệm với thiên nhiên. | |
| 37 | Bài 29: Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững | 01 | Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Thấy được trách nhiệm và có hành động cụ thể để bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên ở địa phương. | |
| 38 | Bài 30: Thực hành: Tìm hiểu mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên địa phương | 01 | - Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ở địa phương. - Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. | |
| 39 40 | Ôn tập cuối Học kì II | 02 | - Ôn tập kiến thức, kĩ năng từ bài 21 đến 30. | |

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt | Ghi chú |
|-----|-------------------------|---------|---|---|
| | Kiểm tra cuối Học kì II | 01 | - Kiểm tra kiến thức, kỹ năng từ bài 21 đến 30 và 10% kiến thức, kỹ năng các bài kt giữa HKII. (50% số điểm đề Lịch sử và Địa Lí) | 08 câu trắc nghiệm mức độ biết (2đ), 03 câu tự luận ở 03 mức độ hiểu (1,5đ), vận dụng (1,0đ) và vận dụng cao (0,5đ) |

3.3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ:

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
|------------------------|-----------|----------------|---|---|
| Giữa Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 9 | - Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. - Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |
| Cuối Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 18 | - Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. - Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |
| Giữa Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 26 | - Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. - Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |
| Cuối Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 35 | - Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. - Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |

II. LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 7

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 04; Số học sinh: 155 ;

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 02; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 01; Đại học: 01;

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 02.

2. Thiết bị dạy học

2.1. Phân môn Lịch sử :

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|-----|---|---|--|---------|
| 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Lược đồ khu đất của lãnh chúa trong lãnh địa PK ở Tây Âu. - Sơ đồ về sự hình thành các giai cấp chính trong xã hội phong kiến ở Vương quốc Phơ-răng. - Tranh vẽ mô tả đời sống nông nô và lãnh chúa trong lãnh địa phong kiến. - Tranh Thành phố Ph—ren-xê - Tranh một góc trường đại học Bô-lô-na (I-ta-li-a) | <p>3</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>1</p> <p>1</p> | Bài 1: Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu | |
| 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Lược đồ 1 số cuộc phát kiến lớn | <p>3</p> <p>1</p> | Bài 2: Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu | |
| 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Video về phong trào Văn hóa Phục hưng và Cải cách tôn giáo | <p>3</p> <p>1</p> | Bài 3: Phong trào Văn hóa Phục hưng và Cải cách tôn giáo | |
| 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Lược đồ Trung Quốc thời phong kiến. - Video về các thành tựu văn hoá TQ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX | <p>3</p> <p>1</p> <p>1</p> | Bài 4: Trung Quốc thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX | |
| 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Lược đồ Ấn Độ. - Video, tranh ảnh về các thành tựu văn hoá Ấn Độ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX | <p>3</p> <p>1</p> <p>1</p> | Bài 5: Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX | |
| 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Lược đồ các vương quốc PK ĐNA nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI - Video, trang ảnh về các thành tựu văn hoá ĐNA thế kỉ X đến giữa thế kỉ XVI | <p>3</p> <p>1</p> <p>1</p> | Bài 6: Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI | |
| 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Lược đồ vương quốc Lào - Video, tranh ảnh về các thành tựu văn hoá Lào thế kỉ XV đến thế kỉ XVII | <p>3</p> <p>1</p> <p>1</p> | Bài 7: Vương quốc Lào | |

| | | | | |
|----|--|-------------|---|--|
| 8 | - Máy tính, màn hình plassma - Lược đồ vương quốc Campuchia - Video, tranh ảnh về các thành tựu văn hoá vương quốc Campuchia | 3 1 1 | Bài 8: Vương quốc Cam-pu-chia | |
| 9 | - Máy tính, màn hình plassma - Lược đồ cát cứ của 12 sứ quân | 3 1 | Bài 9: Đất nước buổi đầu độc lập (939 - 967) | |
| 10 | - Máy tính, màn hình plassma - Lược đồ kháng chiến chống Tống năm 981 | 3 1 | Bài 10: Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968 - 1009) | |
| 11 | - Máy tính, màn hình plassma - Video, tranh ảnh về kinh thành Thăng Long, những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, ...) | 3 1 | Bài 11: Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1225) | |
| 12 | - Máy tính, màn hình plassma - Lược đồ kháng chiến chống Tống năm 1075, 1077. | 3 1 | Bài 12: Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 - 1077) | |
| 13 | - Máy tính, màn hình plassma - Video, tranh ảnh về văn hoá thời Trần. | 3 1 | Bài 13: Đại Việt thời Trần (1226 - 1400) | |
| 14 | - Máy tính, màn hình plassma - Lược đồ kháng chiến chống quân Mông Cổ 1258, chống quân Nguyên 1285, chống quân Nguyên 1287-1288. | 3 1 | Bài 14: Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên | |
| 15 | - Máy tính, màn hình plassma - Video deo về thành nhà Hồ | 3 1 | Bài 15: Nước Đại Ngu thời Hồ (1400 - 1407) | |
| 16 | - Máy tính, màn hình Plassma - Lược đồ trận Tốt Động - Chúc Động; Chi Lăng - Xương Giang | 3 2 | Bài 16: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) | |
| 17 | - Máy tính, màn hình Plassma - Lược đồ Đại Việt thời Lê Thánh Tông với 13 đội thừa tuyên - Video về văn hoá thời Lê Sơ | 3 1 1 | Bài 17: Đại Việt thời Lê Sơ (1428 - 1527) | |

| | | | | |
|----|---|-------------|--|--|
| 18 | - Máy tính, màn hình Plassma - Video về vương quốc Chăm pa - Lược đồ vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI | 3 1 1 | Bài 18: Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI | |
| | - Máy tính, màn hình Plassma - Lược đồ 1 số cuộc phát kiến lớn | 3 1 | Chủ đề: Các cuộc phát kiến địa lý | |

2.2. Phân môn Địa lí

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|-----|--|----------------|------------------------------|---|
| 1 | Máy vi tính (laptop) | 02 | Tất cả tiết dạy | Mỗi giáo viên 1 cái |
| 2 | Ti vi(lasma) | 10 | Tất cả tiết dạy | Mỗi phòng học 1 cái |
| 3 | Tranh ảnh, bản đồ, đồ dùng trực quan... theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Lịch sử và Địa lý lớp 7 (Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT) | Không hạn định | Tất cả tiết dạy | GV khai thác và hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |

3. Kế hoạch dạy học

3.1. Phân phối chương trình Phân môn Lịch sử

| TT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|----|--|---------|--|
| 1 | Bài 1: Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu | 3 | - Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu. - Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu. - Phân tích được vai trò của thành thị trung đại. - Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo. |
| 2 | Bài 2: Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu | 2 | - Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới. - Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí. - Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI. |
| 3 | Bài 3: Phong trào Văn hóa | 2 | - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng. |

| | | | |
|---|--|---|--|
| | Phục hưng và Cải cách tôn giáo | | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu. - Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo. - Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo. - Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu. - Xác định được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu. |
| 4 | Bài 4: Trung Quốc thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh). – Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường. - Mô tả được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh – Thanh. - Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...). |
| 5 | Bài 5: Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ. - Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul. - Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX. |
| 6 | Bài 6: Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. - Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. |
| 7 | Bài 7: Vương quốc Lào | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia. - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor. - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia. |
| 8 | Bài 8: Vương quốc Cam-puchia | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào. - Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang. - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào |
| 9 | Bài 9: Đất nước buổi đầu độc lập (939 - 967) | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nét chính về thời Ngô. - Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh. - Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981. |

| | | | |
|------------------|---|----------------|---|
| 11 | Ôn tập | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kiến thức lịch sử của nước ta thế kỉ X đến XI - Nắm được kiến thức về các nước láng giềng ĐNA |
| 12 | Kiểm tra giữa kỳ 1 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập. - Giúp học sinh nắm lại một số kiến thức đã học. - Rèn luyện kĩ năng làm bài kiểm tra LS - Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra. |
| 13 | Bài 10: Đại Cồ Việt thời Đinh và Tiền Lê (968 - 1009) | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô – Đinh – Tiền Lê. - Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô – Đinh – Tiền Lê. |
| 14 | Bài 11: Nhà Lý xây dựng và phát triển đất nước (1009-1225) | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự thành lập nhà Lý. Đánh giá được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn. - Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Lý. - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, mở khoa thi,...). |
| 15 | Bài 12: Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 - 1077) | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống và vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077). |
| 16 | Ôn tập cuối kỳ 1 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kiến thức lịch sử của nước ta thế kỉ X đến TK XII |
| 17 | Kiểm tra cuối kỳ 1 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập. - Giúp học sinh nắm lại một số kiến thức đã học. - Rèn luyện kĩ năng làm bài kiểm tra LS - Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra. |
| HỌC KÌ II | | | |
| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
| (1) | (1) | (2) | (3) |

| | | | |
|----|--|---|--|
| | Bài 13: Đại Việt thời Trần (1226-1400) | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được sự thành lập nhà Trần. - Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Trần. - Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá và đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần: Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông,... |
| 18 | Bài 14: Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Lập được lược đồ diễn biến chính của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên. - Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên, nhận thức được sâu sắc tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt. |
| 19 | Bài 15: Nước Đại Ngu thời Hồ (1400 - 1407) | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự ra đời của nhà Hồ. - Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly và nêu được tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời nhà Hồ. - Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến chống quân xi nhà Minh. - Giải thích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược. |
| 20 | Ôn tập | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kiến thức lịch sử của nước ta thế kỉ X đến TK XV |
| 21 | Kiểm tra giữa kỳ 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập. - Giúp học sinh nắm lại một số kiến thức đã học. - Rèn luyện kĩ năng làm bài kiểm tra LS - Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra. |
| 22 | Bài 16: Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427) | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. - Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. - Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,... |
| 23 | Bài 17: Đại Việt thời Lê Sơ (1428 - 1527) | 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ. - Nhận biết được tình hình kinh tế – xã hội thời Lê sơ. - Giới thiệu được sự phát triển văn hoá, giáo dục và một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ. |

| | | | |
|----|--|---|---|
| 24 | Bài 18: Vương quốc Chăm-pa và vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI | 2 | Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế văn hoá ở vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI. |
| 25 | Chủ đề: Các cuộc phát kiến địa lý | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí. - Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: Christopher Colombus tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), cuộc thám hiểm của Ferdinand Magellan vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522). - Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử. |
| 26 | Ôn tập | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kiến thức lịch sử của nước ta thế kỉ X - Nắm được kiến thức về các nước láng giềng ĐNA |
| 27 | Kiểm tra cuối kì 2 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập. - Giúp học sinh nắm lại một số kiến thức đã học. - Rèn luyện kĩ năng làm bài kiểm tra LS - Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra. |

3.2. Phân phối chương trình phân môn Địa lí

| Tuần | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt | Ghi chú |
|------|---|---------|---|---------|
| 1 | Bài 1. Vị trí địa lí. Đặc điểm tự nhiên châu Âu | 02 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu. - Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu; đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn (Rai-nơ, Đa-nuyp, Vonga); các đới thiên nhiên. | |
| 2 | Bài 2. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu | 02 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu. | |
| 3 | Bài 3. Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở châu Âu | 02 | <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu. | |
| 4 | Bài 4. Liên minh châu Âu | 01 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới. | |
| 5 | Ôn tập giữa kì 1 | 01 | <ul style="list-style-type: none"> - Đề cương và nội dung ôn tập kiến thức, kĩ năng từ bài 01 đến bài 4 | |

| | | | | |
|-----------------|---|----|---|--|
| 6 | Kiểm tra giữa kì 1 | 01 | - Đề kiểm tra kiến thức, kỹ năng từ bài 1 đến 4 (50% số điểm đề Lịch sử và Địa Lí) | |
| 7 | Bài 5. Vị trí địa lí. Đặc điểm tự nhiên châu Á | 04 | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á. - Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. - Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á. | |
| 8 | Bài 6. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á | 02 | - Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn. | |
| 9 | Bài 7. Bản đồ chính trị châu Á. Các khu vực của châu Á | 04 | - Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á. | |
| 10 | Bài 8. Thực hành: Tìm hiểu về các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi của châu Á | 02 | - Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore). | |
| 11 | Bài 9. Vị trí địa lí. Đặc điểm tự nhiên châu Phi | 04 | - Trình bày đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Phi - Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên Châu Phi, một trong những vấn đề sử dụng môi trường trong sử dụng thiên nhiên (Ví dụ: vấn đề săn bắn và buôn bán động vật hoang dã, lấy ngà voi, sừng tê giác, ...) | |
| 12 | Ôn tập cuối kì 1 | 01 | - Đề cương và nội dung ôn tập từ bài 5 đến bài 9. (10% kiến thức của các bài đã kiểm tra giữa kì I) | |
| 13 | Kiểm tra cuối kì 1 | 01 | - Đề kiểm tra kiến thức và kỹ năng từ bài 5 đến 9, thêm 10% kiến thức các bài đã kiểm tra giữa HKI (50% số điểm đề Lịch sử và Địa Lí) | |
| Học kỳ 2 | | | | |
| 14 | Bài 10. Dân cư, xã hội châu Phi | 01 | - Trình bày được 1 trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi (Ví dụ: vấn đề nạn đói, vấn đề xung đột quân sự) | |
| 15 | Bài 11. Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên châu Phi | 02 | - Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau. | |

| | | | | |
|----|--|----|--|--|
| 16 | Bài 12. Thực hành: Tìm hiểu Cộng hoà Nam Phi | 01 | Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây. | |
| 17 | Bài 13. Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ. Phát kiến ra châu Mỹ | 01 | - Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ. - Phân tích được các hệ quả địa lí - lịch sử của việc Christopher Colombus phát kiến ra châu Mỹ (1492 - 1502). | |
| 23 | Bài 14. Đặc điểm tự nhiên Bắc Mỹ | 02 | - Trình bày được một trong những đặc điểm của tự nhiên: sự phân hóa của địa hình, khí hậu; sông, hồ; các đới thiên nhiên. | |
| 18 | Bài 15. Đặc điểm dân cư, xã hội. Phương thức khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ | 03 | - Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội: vấn đề nhập cư và chủng tộc, vấn đề đô thị hoá. - Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững. - Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng. | |
| 19 | Bài 16. Đặc điểm tự nhiên Trung và Nam Mỹ | 02 | - Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều Đông - Tây, theo chiều Bắc - Nam và theo chiều cao (trên dãy núi Andes); đặc điểm của rừng nhiệt đới Amazon. | |
| 20 | Bài 17. Đặc điểm dân cư, xã hội Trung và Nam Mỹ. Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên rừng A-ma-dôn | 02 | - Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh. - Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng Amazon. | |
| 21 | Ôn tập giữa kì 2 | 01 | - Ôn tập kiến thức, kĩ năng từ bài 10 đến bài 16. | |
| 22 | Kiểm tra giữa kì 2 | 01 | - Kiểm tra kiến thức, kĩ năng từ bài 10 đến bài 16. (50% số điểm đề Lịch sử và Địa Lí) | |
| 23 | Bài 17. Đặc điểm dân cư, xã hội Trung và Nam Mỹ. Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên rừng A-ma-dôn (tt) | 01 | - Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ, vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ Latinh. - Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng Amazon. | |

| | | | | |
|----|---|----|--|--|
| 24 | Bài 18. Châu Đại Dương | 03 | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia. - Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản. Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia. - Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Australia. - Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia. | |
| 25 | Bài 19. Châu Nam Cực | 01 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực. - Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực. - Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực. - Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu. | |
| 26 | Chủ đề chung 1: Các cuộc phát kiến địa lí | 02 | <ul style="list-style-type: none"> - Bản đồ các cuộc phát kiến địa lí. Hình ảnh, video về các cuộc phát kiến địa lí. | |
| 27 | Ôn tập cuối kỳ 2 | 01 | - Ôn tập kiến thức, kỹ năng từ bài 17 đến bài chủ đề chung. | |
| 28 | Kiểm tra cuối kì 2 | 01 | - Kiểm tra kiến thức, kỹ năng từ bài 17 đến bài chủ đề chung và 10% kiến thức, kỹ năng các bài kt giữa HKII. (50% số điểm đề Lịch sử và Địa Lí) | |

3.3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
|------------------------|-----------|----------------|---|---|
| Giữa Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 9 | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. - Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |
| Cuối Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 18 | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. - Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |
| Giữa Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 26 | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. - Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |

| | | | | |
|---------------|---------|----------------|---|---|
| Cuối Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 35 | - Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. - Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |
|---------------|---------|----------------|---|---|

III. LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 8

1. Đặc điểm tình hình.

1.1. Số lớp: 3; Số học sinh: 103;

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 02 ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 01; Đại học: 01 ;

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt:02

2. Thiết bị dạy học.

2.1. Phần môn Lịch sử:

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|-----|---|----------|---|---------|
| 1 | Lược đồ/ trực thời gian về diễn biến cơ bản cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII | 2 | Bài 1. Cách mạng tư sản Anh và Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ | |
| 2 | Lược đồ/ trực thời gian về diễn biến cơ bản cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII | 2 | Bài 2. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII | |
| 3 | - Tranh ảnh liên quan đến cuộc CM công nghiệp nửa sau TK XVIII đến giữa TK XIX (Máy kéo sợi Gien-ni, tàu lửa, Giêm Oát,..) | 3 | Bài 3. Cách mạng công nghiệp (nửa sau thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX) | |
| 4 | - Lược đồ khu vực ĐNÁ nửa sau TK XVI – TK XIX. - Phim tài liệu về cuộc kháng chiến chống thực dân phương Tây xâm lược của nhân dân Đông Nam Á thế kỉ XVI-XIX | 1 1 | Bài 4. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX | |
| 5 | - Lược đồ/ tranh ảnh Nam - Bắc triều và Đảng - Trong Đảng Ngoài. - Phim tài liệu | 1 1 | Bài 5. Cuộc xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn | |
| 6 | Lược đồ/ sơ đồ/ tư liệu Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII | 3 | Bài 6. Công cuộc khai phá vùng đất phía Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII | |
| 7 | Lược đồ một số cuộc khởi nghĩa nông dân ở Đảng Ngoài | 1 | Bài 7. Khởi nghĩa nông dân ở Đảng ngoài thế kỉ XVIII | |
| 8 | Lược đồ/ sơ đồ phong trào Tây Sơn | 2 | Bài 8. Phong trào Tây Sơn | |

| | | | |
|----|---|--------|---|
| 9 | - Tranh ảnh về các thành tựu kinh tế, văn hóa, tôn giáo ở TK XVI-XVIII - Video các thành tựu kinh tế, văn hóa TK XVI-XVIII | 1 1 | Bài 9. Tình hình kinh tế, văn hóa, tôn giáo trong các thế kỉ XVI-XVIII |
| 10 | Lược đồ/ biểu đồ các nước đế quốc và thuộc địa từ cuối thế kỉ XIX - đầu XX | 2 | Bài 10. Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc ở các nước Âu – Mỹ (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX) |
| 11 | - Tranh ảnh về phong trào công nhân thế giới - Phim tài liệu/ tranh ảnh về cuộc đời của Mác và Ăng ghen | 1 1 | Bài 11. Phong trào công nhân từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 12 | - Lược đồ/ sơ đồ về diễn biến chính của chiến tranh thế giới và cách mạng tháng Mười Nga - Phim tài liệu | 1 1 | Bài 12. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) và Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 |
| 13 | - Tranh ảnh về khoa học kĩ thuật, văn học nghệ thuật TK XVIII - XIX - Phim tài liệu về khoa học kĩ thuật, văn học nghệ thuật TK XVIII - XIX | 1 1 | Bài 13. Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX |
| 14 | Lược đồ Trung Quốc đầu TK XX và lược đồ Nhật Bản nửa cuối thế kỉ XIX - đầu XX - Sơ đồ, tranh ảnh Trung Quốc đầu TK XX và lược đồ Nhật Bản nửa cuối thế kỉ XIX - đầu XX | 2 4 | Bài 14. Trung Quốc và Nhật Bản từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX |
| 15 | - Tranh ảnh đất nước Ấn Độ cuối TK XIX – đầu TK XX - Lược đồ/ sơ đồ khu vực Đông Nam Á nửa cuối thế kỉ XIX đầu XX | 1 2 | Bài 15. Ấn Độ và Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX |
| 16 | - Lược đồ VN sau cải cách của vua Minh Mạng - Một số công trình kiến trúc, văn hóa, hiện vật tiêu biểu của VN thời nhà Nguyễn | 1 2 | Bài 16. Việt Nam dưới thời Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX) |

| | | | |
|----|--|--------|---|
| 17 | - Lược đồ/ sơ đồ quá trình Pháp xâm lược VN và cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta - Video về Lược đồ/ sơ đồ quá trình Pháp xâm lược VN và cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta | 2 1 | Bài 17. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1884 |
| 18 | - Lược đồ một số địa điểm diễn ra các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần Vương và khởi nghĩa Yên Thế. - Tranh ảnh/ tài liệu một số địa điểm diễn ra các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần Vương và khởi nghĩa Yên Thế. | 2 4 | Bài 18. Phong trào chống Pháp trong những năm 1885 – 1896 |
| 19 | - Tranh một số nhà yêu nước đầu TK XX. - Phim tài liệu | 1 1 | Bài 19. Phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1917 |
| 20 | - Lược đồ thể hiện phạm vi biển đảo Việt Nam - Video về bảo vệ chủ quyền của VN ở biển Đông | 1 | Chủ đề chung: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông |

2.2. Phân môn Địa lí

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thực hành | Ghi chú |
|-----|------------------------------------|--|-----------------------------------|----------------------------------|
| 1 | Máy tính xách tay cá nhân Ti vi | Máy tính 1 bộ Ti vi mỗi phòng 1 cái | Các tiết dạy lí thuyết, thực hành | GV chủ động sử dụng |
| 2 | Tranh ảnh, bản đồ | Không hạn định | Mọi tiết dạy | GV khai thác hiệu quả |
| 3 | Đồ dùng trực quan | Không hạn định | Mọi tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |

3. Kế hoạch dạy học.

3.1. Phân phối chương trình Phân môn Lịch sử :

| TT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|----|---|---------|--|
| 1 | Bài 1. Cách mạng tư sản Anh và Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ | 2 | - Xác định được trên bản đồ thế giới địa điểm diễn ra các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII. - Trình bày được những nét chung về nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa, tính chất của cách mạng tư sản. - Nêu được một số đặc điểm chính của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu ở Anh, Pháp, |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | Mỹ. |
| 2 | Bài 2. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII | 2 | Xác định được trên bản đồ thế giới địa điểm diễn ra các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII. - Trình bày được những nét chung về nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa, tính chất của cách mạng tư sản. - Nêu được một số đặc điểm chính của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu ở Anh, Pháp, Mỹ. |
| 3 | Bài 3. Cách mạng công nghiệp (nửa sau thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX) | 2 | - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của cách mạng công nghiệp. - Nêu được những tác động quan trọng của cách mạng công nghiệp đối với sản xuất và đời sống. |
| 4 | Bài 4. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX | 2 | - Trình bày được những nét chính trong quá trình xâm nhập của tư bản phương Tây vào các nước Đông Nam Á. - Nêu được những nét nổi bật về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá – xã hội của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây. - Mô tả được những nét chính về cuộc đấu tranh của các nước Đông Nam Á chống lại ách đô hộ của thực dân phương Tây. |
| 5 | Bài 5. Cuộc xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn | 2 | - Nêu được những nét chính về sự ra đời của Vương triều Mạc. - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn. Nêu được hệ quả của xung đột Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn. |
| 6 | Bài 6. Công cuộc khai phá vùng đất phía Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII | 2 | - Trình bày được khái quát về quá trình mở cõi của Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII. - Mô tả và nêu được ý nghĩa của quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các chúa Nguyễn. |
| 7 | Bài 7. Khởi nghĩa nông dân ở Đàng ngoài thế kỉ XVIII | 2 | - Nêu được một số nét chính (bối cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa) của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài thế kỉ XVIII. - Nêu được tác động của phong trào nông dân ở Đàng Ngoài đối với xã hội Đại Việt thế kỉ XVIII. |
| 8 | Bài 8. Phong trào Tây Sơn | 3 | - Trình bày được một số nét chính về nguyên nhân bùng nổ và mô tả được một số thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn: lật đổ chúa Nguyễn, chúa Trịnh, vua Lê; đánh bại quân Xiêm xâm lược (1785) và đại phá quân Thanh xâm lược (1789),... - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và đánh giá được vai trò của Nguyễn Huệ – Quang Trung trong phong trào Tây Sơn. |
| 9 | Kiểm tra giữa kì 1 | 1 | Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập. - Giúp học sinh nắm lại một số kiến thức đã học. |

| | | | |
|----|---|---|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện kỹ năng làm bài kiểm tra LS - Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra. |
| 10 | Bài 9. Tình hình kinh tế, văn hóa, tôn giáo trong các thế kỉ XVI-XVIII | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế. - Mô tả và nhận xét được những nét chính về sự chuyển biến văn hoá và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII. |
| 11 | Bài 10. Sự hình thành của chủ nghĩa đế quốc ở các nước Âu – Mỹ (cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX) | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được những nét chính về quá trình hình thành của chủ nghĩa đế quốc. - Trình bày những nét chính về Công xã Paris (1871) và ý nghĩa lịch sử của việc thành lập nhà nước kiểu mới – nhà nước của giai cấp vô sản đầu tiên trên thế giới. - Nhận biết được những chuyển biến lớn về kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. |
| 12 | Bài 11. Phong trào công nhân từ cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được sự ra đời của giai cấp công nhân. - Trình bày được một số hoạt động chính của Karl Marx, Friedrich Engels và sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. - Mô tả được một số hoạt động tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX (phong trào công nhân, sự ra đời và hoạt động của các Đảng và các tổ chức cộng sản,...) |
| 13 | Ôn tập | 1 | Hệ thống những kiến thức cơ bản cuối kì 1 |
| 14 | Kiểm tra cuối kì 1 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập. - Giúp học sinh nắm lại một số kiến thức đã học. - Rèn luyện kỹ năng làm bài kiểm tra LS - Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra. |
| 15 | Bài 12. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) và Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ nhất. - Phân tích, đánh giá được hậu quả và tác động của Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918) đối với lịch sử nhân loại. - Nêu được một số nét chính (nguyên nhân, diễn biến, tác động và ý nghĩa lịch sử) của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. |
| 16 | Bài 13. Sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được một số thành tựu tiêu biểu về khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX. - Phân tích được tác động của sự phát triển khoa học, kỹ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX. |
| 17 | Bài 14. Trung Quốc và Nhật Bản từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được quá trình xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc. - Trình bày được sơ lược về Cách mạng Tân Hợi. - Nhận biết được nguyên nhân thắng lợi và nêu được ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi. - Nêu được những nội dung chính của cuộc Duy tân Minh Trị. – Trình bày được ý nghĩa |

| | | | |
|----|---|---|---|
| | XX | | lịch sử của cuộc Duy tân Minh Trị. |
| 18 | Kiểm tra giữa kì 2 | 1 | Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập. - Giúp học sinh nắm lại một số kiến thức đã học. - Rèn luyện kĩ năng làm bài kiểm tra LS - Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra. |
| 19 | Bài 15. Ấn Độ và Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX | 2 | - Trình bày được những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Ấn Độ nửa sau thế kỉ XIX. - Nêu được một số sự kiện về phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. |
| 20 | Bài 16. Việt Nam dưới thời Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX) | 3 | - Mô tả được sự ra đời của nhà Nguyễn. - Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn. - Mô tả được quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của các vua Nguyễn. |
| 21 | Bài 17. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1884 | 3 | - Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884). - Nhận biết được nguyên nhân, một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước. |
| 22 | Bài 18. Phong trào chống Pháp trong những năm 1885 – 1896 | 2 | Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và cuộc khởi nghĩa Yên Thế. |
| 23 | Bài 19. Phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1917 | 3 | - Nêu được tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của người Pháp đối với xã hội Việt Nam. - Giới thiệu được những nét chính về hoạt động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Tất Thành. |
| 24 | Chủ đề chung: Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông | 3 | - Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam). - Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử. |
| | Ôn tập cuối kì 2 | 1 | Hệ thống kiến thức kì 2 |
| | Kiểm tra cuối kì 2 | 1 | Đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh qua quá trình học tập. |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp học sinh nắm lại một số kiến thức đã học. - Rèn luyện kỹ năng làm bài kiểm tra LS - Giáo dục các em tinh thần rèn luyện, tự học, tính trung thực trong học tập, kiểm tra. |
|--|--|--|--|

3.2. Phân môn Địa lí

HỌC KỲ I

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|---|---|---------|--|
| Chương 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ, ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (10 TIẾT) | | | |
| 1 | Bài 1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam | 2 | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của Việt Nam (VN). |
| 2 | | | - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên VN. |
| 3 | Bài 2: Địa hình Việt Nam. | 5 | - Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam: Đất nước đồi núi, đa phần đồi núi thấp; Hướng địa hình; Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa; Chịu tác động của con người. |
| 4 | | | - Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi; địa hình đồng bằng; địa hình bờ biển và thềm lục địa. |
| 5 | | | - Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế. |
| 6 | | | |
| 7 | | | |
| 8 | Ôn tập giữa học kì I | 1 | Củng cố kiến thức cho HS trong các bài đã học. HS chuẩn bị bài thật tốt để làm bài kiểm tra 1 tiết. |
| 9 | Kiểm tra giữa học kì I | 1 | Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: biết, hiểu và vận dụng sau khi học xong nội dung. |
| 10 | Bài 3. Khoáng sản Việt Nam | 3 | - Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản VN. |
| 11 | | | - Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu và vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản. |
| 12 | | | |
| Chương 2. KHÍ HẬU VÀ THUỶ VĂN VIỆT NAM (14 TIẾT) | | | |
| 13 | Bài 4. Khí hậu Việt Nam | 3 | - Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của VN. |
| 14 | | | - Chứng minh được sự phân hóa đa dạng của khí hậu VN. |
| 15 | | | |
| 16 | Bài 5. Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ khí hậu | 2 | Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau. |
| 17 | | | |
| 18 | Bài 6. Thuỷ văn Việt Nam | 4 | -Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn. |
| 19 | | | -Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn. |
| 20 | | | |
| 21 | | | |

| | | | |
|----|---|---|--|
| 22 | Bài 7. Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta | 3 | - Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp. |
| 23 | | | -Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt. |
| 24 | | | -Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta. |
| | | | -Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông. |
| 25 | Ôn tập cuối học kỳ I | 1 | Củng cố kiến thức cho HS trong các bài đã học. |
| 26 | Ôn tập cuối học kỳ I | 1 | HS chuẩn bị bài thật tốt để làm bài kiểm tra 1 tiết. |
| 27 | Kiểm tra cuối học kỳ I | 1 | Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: biết, hiểu và vận dụng sau khi học xong nội dung. |

HỌC KỲ II

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|---|---|---------|--|
| 28 | Bài 8. Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam | 2 | -Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thủy văn Việt Nam. |
| 29 | | | -Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. |
| Chương 3. THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM (9 TIẾT) | | | |
| 30 | Bài 9. Thổ nhưỡng Việt Nam | 5 | -Trình bày được đặc điểm phân bố của ba nhóm đất chính. |
| 31 | | | - Chứng minh được tính chất nhiệt đới gió mùa của lớp phủ thổ nhưỡng. |
| 32 | | | - Phân tích được đặc điểm của đất feralit và giá trị sử dụng đất feralit trong sản xuất nông, lâm nghiệp. |
| 33 | | | - Phân tích được đặc điểm của đất phù sa và giá trị sử dụng của đất phù sa trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản. |
| 34 | | | -Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề chống thoái hoá đất. |
| 35 | Bài 10. Sinh vật Việt Nam | 4 | - Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam. |
| 36 | | | - Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam. |
| 37 | | | |
| 38 | | | |
| Chương 4. BIỂN ĐẢO VIỆT NAM (10 TIẾT) | | | |
| 39 | Bài 11. Phạm vi Biển Đông. Các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông. Đặc điểm tự nhiên của vùng biển đảo Việt Nam | 4 | - Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam. |
| 40 | | | - Xác định được trên bản đồ các mốc xác định đường cơ sở, đường phân chia vịnh Bắc Bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc. |
| 41 | | | - Trình bày được khái niệm vùng nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam (theo Luật Biển Việt Nam). |
| 42 | | | - Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo VN. |

| | | | |
|----|---|---|---|
| 43 | Ôn tập giữa học kỳ II | 1 | Củng cố các kiến thức cơ bản cho HS trong các bài ôn tập HS nắm được các kiến thức để chuẩn bị cho kiểm tra giữa học kỳ II |
| 44 | Kiểm tra giữa kỳ II | 1 | Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: biết, hiểu và vận dụng sau khi học xong nội dung |
| 45 | Bài 12. Môi trường và tài nguyên biển đảo Việt Nam | 3 | Trình bày được các tài nguyên biển và thềm lục địa Việt Nam. Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam. |
| 46 | | | |
| 47 | | | |
| 48 | Chủ đề chung 2. Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông | 3 | - Trình bày được những nét chính về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; phân tích được những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - Trình bày được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử. -Xác định được vị trí, phạm vi của vùng biển và hải đảo Việt Nam (theo Luật biển Việt Nam) |
| 49 | | | |
| 50 | | | |
| 51 | Ôn tập cuối học kỳ II | 1 | Củng cố các kiến thức cơ bản cho HS trong các bài ôn tập HS nắm được các kiến thức để chuẩn bị cho kiểm tra học kỳ II |
| 52 | Kiểm tra cuối học kỳ II | 1 | Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: biết, hiểu và vận dụng sau khi học xong nội dung |

3.3. Bài kiểm tra đánh giá định kì:

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
|------------------------|-----------|----------------|---|---|
| Giữa Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 9 | - Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. - Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |
| Cuối Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 18 | - Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. - Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |
| Giữa Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 26 | - Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. - Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |

| | | | | |
|---------------|---------|----------------|---|---|
| Cuối Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 35 | <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. - Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |
|---------------|---------|----------------|---|---|

IV. LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 9

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Số lớp: 03; Số học sinh: 95

1.2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 02; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 0; Đại học: 02;

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt: 02.

2. Thiết bị dạy học

2.1 Phân môn Lịch sử

| TT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|----|--|-------------|--|---------|
| 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Tranh ảnh, lược đồ về Lược đồ nước Nga Xô viết chống thù trong, giặc ngoài (1918 – 1920). | 1 1 | Bài 1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945 | |
| 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Tranh ảnh, lược đồ châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. | 1 2 | Bài 2. Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945 | |
| 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Lược đồ châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. - Tranh, ảnh, tư liệu về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và ĐNA | 1 1 3 | Bài 3. Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 | |
| 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Lược đồ chiến trường châu Á – Thái Bình Dương, lược đồ quân Đức đánh chiếm châu Âu. Một số hình ảnh liên quan | 1 2 1 | Bài 4: Chiến tranh thế giới thứ hai | |
| 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Tranh ảnh, bản đồ, một số tư liệu lịch sử liên quan như về: Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng Đảng, Việt Nam Quốc dân đảng; các tờ báo như Tiếng chuông rè,... | 1 4 | Bài 5: Phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1918 - 1930 | |
| 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Tư liệu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị thành lập Đảng,... | 1 1 | Bài 6: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập ĐCS Việt Nam | |

| | | | |
|----|---|---|---|
| 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Bảng thống kê, tranh, ảnh, video,... về phong trào cách mạng thời kì 1930 – 1939. - Lược đồ phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh (1930 – 1931). | <p>1</p> <p>3</p> <p>1</p> | Bài 7: Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939 |
| 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Lược đồ diễn biến Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. - Bảng thống kê, tranh, ảnh về những chuyển biến của tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật, về công cuộc chuẩn bị tổng khởi nghĩa trong cả nước và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945,... - Phim tài liệu về Cách mạng tháng Tám năm 1945 | <p>1</p> <p>1</p> <p>3</p> <p>1</p> | Bài 8: Cách mạng tháng Tám năm 1945 |
| 9 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Tranh ảnh, lược đồ về Lược đồ sự phân chia thế giới trong Chiến tranh lạnh, bản đồ “Bức màn sắt” ở châu Âu. | <p>1</p> <p>2</p> | Bài 9: Chiến tranh lạnh |
| 10 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Tranh, ảnh, lược đồ, tư liệu về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 | <p>1</p> <p>3</p> | Bài 10: Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 |
| 11 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Tranh, ảnh, lược đồ, tư liệu về tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. | <p>1</p> <p>3</p> | Bài 11: Nước Mĩ và Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991 |
| 12 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Tranh, ảnh, sơ đồ, bảng, lược đồ, tư liệu về khu vực Mỹ La tinh, thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (ở Cu-ba, Trung Quốc,...), cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng đất nước của các nước Đông Nam Á và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). | <p>1</p> <p>4</p> | Bài 12: Khu vực Mĩ La-tinh và châu Á từ năm 1945 đến năm 1991 |
| 13 | <ul style="list-style-type: none"> - Máy tính, màn hình plassma - Tranh, ảnh về tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám (Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Bình dân học vụ, Tuần lễ Vàng, Ngày Đồng tâm, Nam Bộ kháng chiến, đoàn quân Nam Tiến,...); các bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh đăng trên báo <i>Cứu quốc</i>. | <p>1</p> <p>5</p> | Bài 13: Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 |

| | | | |
|----|---|-------------|--|
| 14 | - Máy tính, màn hình plassma - Bút tích Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh. - File mp3 lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến | 1 1 1 | Bài 14: Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1946 – 1950 |
| 15 | - Máy tính, màn hình plassma - Tranh, ảnh, phim tài liệu hoặc điện ảnh về cuộc kháng chiến chống Pháp. | 1 1 | Bài 15: Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1951 – 1954 |
| 15 | - Máy tính, màn hình plassma - Một số tư liệu, video, hình ảnh về những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và những thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1965. | 1 5 | Bài 16: Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1954 – 1965 |
| 17 | - Máy tính, màn hình plassma - Tranh ảnh, sơ đồ, tư liệu về tư liệu về các thành tựu và chiến thắng của hai miền Nam, Bắc trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hoá chiến tranh” và cuộc Tổng tiến công Xuân 1975 | 1 4 | Bài 17: Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1965 – 1975 |
| 18 | - Máy tính, màn hình plassma - Tranh, ảnh, số liệu về kinh tế Việt Nam trước Đổi mới, bầu cử Quốc hội thống nhất năm 1976, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, nhà máy thuỷ điện Hoà Bình. - Phim tài liệu, clip về tình hình Việt Nam trước Đổi mới. | 1 3 | Bài 18: Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1991 |
| 19 | - Máy tính, màn hình plassma - Tranh ảnh, một số tư liệu, hình ảnh về xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh, tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. | 1 4 | Bài 19: Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay. Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay |
| 20 | - Máy tính, màn hình plassma - Một số tư liệu, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học như: Khu tài chính Sin-ru-ku ở Tô-ki-ô (Nhật Bản); Trụ sở tập đoàn Sam-sung tại Xơ-un (Hàn Quốc)... Cộng đồng ASEAN: cờ, lễ kết nạp Cam-pu-chia, ... | 1 6 | Bài 20: Châu Á từ năm 1991 đến nay |
| 21 | - Máy tính, màn hình plassma - Một số tư liệu, video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học về thành tựu đất nước sau 35 năm Đổi mới | 1 4 | Bài 21: Việt Nam từ năm 1991 đến nay |

| | | | |
|----|--|-------------|--|
| 22 | - Máy tính, màn hình plassma - Một số tư liệu, video, hình ảnh, liên quan đến những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật. - Bảng thống kê các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực | 1 3 1 | Bài 22: Cách mạng KH-KT và xu thế toàn cầu hoá |
| 23 | - Máy tính, màn hình plassma - Bảng số liệu, thông tin, tư liệu do GV sưu tầm về nội dung bài học <i>Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.</i> | 1 1 | Chủ đề chung 3: Bảo vệ chủ quyền, các quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông |
| 24 | - Máy tính, màn hình plassma - Một số tư liệu, video, hình ảnh, liên quan đến nội dung bài học và đô thị: Lịch sử và hiện tại | 1 3 | Chủ đề chung 1. Đô thị: Lịch sử và hiện tại |

2.2.Phân môn Địa lí 9

| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
|-----|---|--|--|----------------------------------|
| I | Máy tính xách tay cá nhân Ti vi | Máy tính 1 bộ Ti vi mỗi phòng 1 cái | Các tiết dạy lí thuyết, thực hành | GV chủ động sử dụng |
| II | Đồ dùng trực quan | Không hạn định | Mọi tiết dạy | GV hướng dẫn HS sử dụng hiệu quả |
| III | Tranh ảnh, bản đồ | Không hạn định | Mọi tiết dạy | GV khai thác hiệu quả |
| 1 | -Bản đồ Dân số Việt Nam | 1 | Chủ đề: Dân cư Việt Nam | |
| 2 | -Bản đồ nông nghiệp Việt Nam | 1 | Chủ đề: Ngành nông, lâm, thủy sản | |
| 3 | -Bản đồ công nghiệp Việt Nam | 1 | Chủ đề: Ngành công nghiệp | |
| 4 | -Bản đồ giao thông Việt Nam | 1 | Chủ đề: Ngành dịch vụ | |
| 5 | -Bản đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ -Bản đồ kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ | 1 1 | Chủ đề: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ | |
| 6 | -Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng -Bản đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Hồng | 1 1 | Chủ đề: Vùng Đồng bằng sông Hồng | |
| 7 | -Bản đồ tự nhiên vùng Bắc Trung Bộ -Bản đồ kinh tế vùng Bắc Trung Bộ | 1 1 | Chủ đề: Vùng Bắc Trung Bộ | |

| | | | | |
|----|--|--------|---|--|
| 8 | -Bản đồ tự nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ - Bản đồ kinh tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ | 1 1 | Chủ đề: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ | |
| 9 | -Bản đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên - Bản đồ kinh tế vùng Tây Nguyên | 1 1 | Chủ đề: Vùng Tây Nguyên | |
| 10 | -Bản đồ tự nhiên vùng Đông Nam Bộ - Bản đồ kinh tế vùng Đông Nam Bộ | 1 1 | Chủ đề: Vùng Đông Nam Bộ | |
| 11 | -Bản đồ tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Bản đồ kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long | 1 1 | Chủ đề: Vùng Đồng bằng sông Cửu Long | |
| 12 | -Bản đồ một số ngành kinh tế biển Việt Nam | 1 | Chủ đề: Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo | |
| 13 | -Bộ học liệu điện tử hỗ trợ GV | 1 | Các chủ đề liên quan | |
| 14 | - Tập Atlas Địa lí Việt Nam | 1 | Các chủ đề liên quan | |

3. Kế hoạch dạy học

3.1. Phân phối chương trình Phân môn Lịch sử

| TT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|----|---|---------|--|
| 1 | Bài 1. Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945 | 1 | - Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập. - Trình bày được những thành tựu và chỉ ra được hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. |
| 2 | Bài 2. Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945 | 2 | - Trình bày được những nét chính về phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản; đại suy thoái kinh tế 1929 – 1933; sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu. – Mô tả được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới. |
| 3 | Bài 3. Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 | 2 | - Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945. |
| 4 | Bài 4: Chiến tranh thế giới thứ hai | 1 | - Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của Liên Xô |

| | | | |
|----|--|---|--|
| | | | <p>và các nước Đồng minh trong chiến thắng chủ nghĩa phát xít.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại. |
| 5 | Bài 5: Phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1918 - 1930 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930 |
| 6 | Bài 6: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập ĐCS Việt Nam | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930. - Trình bày được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - Đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam |
| 7 | Bài 7: Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939. |
| 8 | Bài 8: Cách mạng tháng Tám năm 1945 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản. - Nhận biết được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước. - Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. |
| 9 | Bài 9: Chiến tranh lạnh | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh. |
| 10 | Bài 10: Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991. - Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. |
| 11 | Bài 11: Nước Mỹ và Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. |

| | | | |
|----|---|---|---|
| 12 | Bài 12: Khu vực Mĩ La-tinh và châu Á từ năm 1945 đến năm 1991 | 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được đôi nét về các nước Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cuba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba. Bài học từ kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba đối với Việt Nam - Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991. - Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). |
| 12 | Bài 13: Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ. |
| 13 | Bài 14: Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1946 – 1950 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946). - Phân tích được một số điểm chủ yếu trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1950). |
| 14 | Bài 15: Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1951 – 1954 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1951-1954). - Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954). |
| 15 | Bài 16: Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1954 – 1965 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam). - Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1965 (phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” |

| | | | |
|----|--|---|--|
| 16 | Bài 17: Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1965 – 1975 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1975 (“Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...). - Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. |
| 17 | Bài 18: Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1991 | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo. - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985. - Mô tả được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, giải thích được nguyên nhân, nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 – 1991. - Đánh giá được thành tựu và hạn chế, rút ra được bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện đường lối Đổi mới. |
| 18 | Bài 19: Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay. Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh. - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay. - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. |
| 19 | Bài 20. Châu Á từ năm 1991 đến nay | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được sự phát triển kinh tế – xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay. - Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN. |
| 20 | Bài 21: Việt Nam từ năm 1991 đến nay | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh...) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay. |
| 21 | Bài 22: Cách mạng KH-KT và xu thế toàn cầu hoá | 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kĩ thuật trên thế giới và ảnh hưởng của cuộc cách mạng đó đến Việt Nam. - Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và đánh giá được tác động của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam. |

| | | | |
|----|--|---|---|
| 22 | Chủ đề chung 3: Bảo vệ chủ quyền, các quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam. - Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. - Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông. |
| 23 | Chủ đề chung 1. Đô thị: Lịch sử và hiện tại | 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tư cách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực. - Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp. - Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội. |

3.2. Phân phối chương trình phân môn Địa lí

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
|--|---|---------|---|
| HỌC KÌ I: | | | |
| Chương 1 Địa lí dân cư(4 tiết) | | | |
| 1 | Bài 1. Dân tộc và dân số | 02 | <ul style="list-style-type: none"> -Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam. -Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư. -Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số. |
| 2 | | | |
| 3 | Bài 2. Phân bố dân cư và các loại hình quần cư | 01 | <ul style="list-style-type: none"> -Đọc bản đồ dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư. -Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn. |
| 4 | Bài 3. TH: Tìm hiểu vấn đề việc làm ở địa phương và phân hoá thu nhập theo vùng. | 01 | <ul style="list-style-type: none"> -Tìm hiểu và viết báo cáo phân tích vấn đề việc làm ở địa phương. -Sử dụng số liệu để nhận xét sự phân hoá thu nhập theo vùng ở nước ta. |
| Chương 2 Địa lí các ngành kinh tế(12 tiết) | | | |
| 5 | Bài 4. Nông nghiệp | 02 | <ul style="list-style-type: none"> -Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp. -Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp. -Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. |
| 6 | | | |
| 7 | Bài 5. Lâm nghiệp và thủy sản | 02 | <ul style="list-style-type: none"> -Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản. -Trình bày được sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thủy sản. |
| 8 | | | |
| 9 | Bài 6. TH: Viết báo cáo về một mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu | 01 | <ul style="list-style-type: none"> -Tìm kiếm được thông tin và viết báo cáo về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. |

| | | | |
|---|---|----|--|
| | quả | | |
| 10 | Bài 7. Công nghiệp | 03 | <ul style="list-style-type: none"> -Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. -Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu. -Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. |
| 11 | | | |
| 12 | | | |
| 13 | Bài 8. TH: Xác định các trung tâm công nghiệp chính ở nước ta | 01 | <ul style="list-style-type: none"> -Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính |
| 14 | Bài 9. Dịch vụ | 02 | <ul style="list-style-type: none"> -Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ. -Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông. -Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính |
| 15 | | | |
| 16 | Ôn tập giữa học kì I | 01 | Củng cố các kiến thức cơ bản cho HS trong các bài ôn tập HS nắm được các kiến thức để chuẩn bị cho kiểm tra giữa học kì I |
| 17 | Kiểm tra giữa học kì I | 01 | Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: biết, hiểu và vận dụng sau khi học xong nội dung |
| 18 | Bài 10. TH: Tìm hiểu xu hướng phát triển ngành thương mại, du lịch | 01 | <ul style="list-style-type: none"> -Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch. |
| Chương 3. Sự phân hóa lãnh thổ(25 tiết) | | | |
| 19 | Bài 11. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ | 03 | <ul style="list-style-type: none"> -Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. -Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm - nông - thủy sản, du lịch. -Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư. -Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng. -Vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. |
| 20 | | | |
| 21 | | | |
| 22 | Bài 12. Vùng Đồng bằng sông Hồng | 03 | <ul style="list-style-type: none"> -Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. -Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; vấn đề phát triển kinh tế biển. -Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. |
| 23 | | | |
| 24 | | | |

| | | | |
|--|---|----|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> -Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội. -Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng. |
| 25 | Bài 13. TH: Tìm hiểu về Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ | 01 | <ul style="list-style-type: none"> -Sưu tầm tư liệu và trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. -Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí từ sách, báo, internet, thực tế,... -Phát triển năng lực hợp tác và giao tiếp, giải quyết vấn đề và sáng tạo,... -Chăm chỉ, chịu khó tìm hiểu kiến thức địa lí. |
| 26 | Ôn tập cuối học kì I | 01 | Củng cố các kiến thức cơ bản cho HS trong các bài ôn tập HS nắm được các kiến thức để chuẩn bị cho kiểm tra cuối học kỳ I |
| 27 | Kiểm tra cuối học kì I | 01 | Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: biết, hiểu và vận dụng sau khi học xong nội dung |
| HỌC KÌ II: 26 tiết <i>Tuần 19 đến tuần 26: 1 tiết/tuần. Tuần 27 đến tuần 35: 2 tiết/tuần</i> | | | |
| 28 | Bài 14. Bắc Trung Bộ | 03 | <ul style="list-style-type: none"> -Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Bắc Trung Bộ. -Trình bày được đặc điểm phân hoá của tự nhiên và giải thích ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của Bắc Trung Bộ. -Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ. -Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở Bắc Trung Bộ. -Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở Bắc Trung Bộ. -Phân tích được thế mạnh về du lịch ở Bắc Trung Bộ. -Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ. |
| 29 | | | |
| 30 | | | |
| 31 | Bài 15. Duyên hải Nam Trung Bộ | 03 | <ul style="list-style-type: none"> -Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ. -Phân tích được các đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính. -Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc. -Phân tích được những chuyển biến trong phát triển và phân bố kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ. -Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của Duyên hải Nam Trung Bộ. -Trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. |
| 32 | | | |
| 33 | | | |
| 34 | Ôn tập giữa học kì II | 01 | <ul style="list-style-type: none"> -Củng cố các kiến thức cơ bản cho HS trong các bài ôn tập -HS nắm được các kiến thức để chuẩn bị cho kiểm tra giữa học kỳ II |

| | | | |
|----|---|----|--|
| 35 | Kiểm tra giữa học kì II | 01 | Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: biết, hiểu và vận dụng sau khi học xong nội dung |
| 36 | Bài 16. TH: Phân tích ảnh hưởng của hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế- xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận- Bình Thuận | 01 | -Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với phát triển kinh tế - xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận - Bình Thuận. |
| 37 | Bài 17. Vùng Tây Nguyên | 03 | -Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. -Trình bày được thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. -Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên. -Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây Nguyên. -Trình bày được các vấn đề môi trường trong phát triển. |
| 38 | | | |
| 39 | | | |
| | | | |
| 40 | Bài 18. Vùng Đông Nam Bộ | 03 | -Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. -Phân tích được các thế mạnh, hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. -Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ. -Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng. -Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng. -Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. |
| 41 | | | |
| 42 | | | |
| 43 | Bài 19. TH: Tìm hiểu vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | 01 | -Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. |
| 44 | Bài 20. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long | 03 | -Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. -Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. -Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng. -Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng. -Trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. |
| 45 | | | |
| 46 | | | |
| 47 | Bài 21. TH: Tìm hiểu về tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng | 01 | -Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó. |

| | | | |
|----------|---|----|--|
| | bằng sông Cửu Long | | |
| 48 49 | Bài 22. Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo | 02 | <p>-Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó.</p> <p>-Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.</p> <p>-Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.</p> |
| 50 | Chủ đề chung 2: Văn minh châu thổ Sông Hồng và Sông Cửu Long | 02 | <p>-Trình bày được những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông.</p> <p>-Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.</p> <p>-Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.</p> <p>-Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai dòng bằng hiện đại.</p> |
| 51 | Ôn tập cuối học kì II | 01 | Củng cố các kiến thức cơ bản cho HS trong các bài ôn tập HS nắm được các kiến thức để chuẩn bị cho kiểm tra cuối học kỳ II |
| 52 | Kiểm tra cuối học kì II | 01 | Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng cơ bản ở 3 cấp độ nhận thức: biết, hiểu và vận dụng sau khi học xong nội dung. |

3.3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ:

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
|------------------------|-----------|----------------|---|---|
| Giữa Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 9 | Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kĩ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |
| Cuối Học kỳ 1 | 60 phút | Tuần 18 | Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kĩ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |

| | | | | |
|---------------|---------|----------------|---|---|
| Giữa Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 26 | <ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |
| Cuối Học kỳ 2 | 60 phút | Tuần 35 | <ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra theo bốn mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao các nội dung kiến thức đã học. Đánh giá chính xác, khách quan, công bằng về năng lực nhận thức, kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí của từng cá nhân học sinh. | Viết (trên giấy: trắc nghiệm + tự luận) |

Duyệt của BGH:
P. HIỆU TRƯỞNG

Tam Mỹ Đông, ngày 04 tháng 9 năm 2024.

TỔ TRƯỞNG

Phan Thị Thanh Tuyên

Vương Thị Thúy Hằng

